

	VinaCert	V01-02	Phiên bản/ Revision: 11
		Ngày hiệu lực/ Date of issue: 30/11/2023	
	QUY ĐỊNH CHUNG VỀ CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ/GENERAL REGULATION ON MANAGEMENT SYSTEM CERTIFICATION		

THEO DÕI HIỆU CHỈNH TÀI LIỆU/ DOCUMENT REVISION LOG

Ngày sửa đổi/ Date of revision	Tóm lược hiệu chỉnh/ Revision summary
02/05/2016	- Ban hành lại
01/08/2016	- Sửa lại lưu đồ chứng nhận sau đánh giá nội bộ tháng 6 2016 - Bổ sung một số nội dung (màu tím) cho phù hợp với ISO 17021-1:2015
21/11/2016	- Bổ sung bước review of audit reports trong lưu đồ quá trình chứng nhận; Sửa lại cách dùng từ stage 1 và stage 2 đúng theo ISO 17021-1:2015/ Add step "Review Audit report" into Certification Flow Chart; Edit the way using "Stage 1" and "Stage 2" same as ISO 17021-1:2015; - Quy định rõ chấp nhận việc trì hoãn giám sát của khách hàng trong các trường hợp nào, thời gian bao và cách thức VICB thông báo việc chấp nhận đến khách hàng trong mục 9.1/Regulate clearly about postponing audit (which situation is postponable, how long the postpone audit shall be carried out, the way VICB use to confirm with clients) in clause 9.1 - Cập nhật quy định về thời gian đánh giá chứng nhận lại theo đúng yêu cầu của clause 9.6.3.2, trong đó quy định rõ ngày hết hạn trên chứng chỉ phải dựa trên chu kỳ chứng nhận trước đó/update the information about time for re-certification as required by Clause 9.6.3.2 which regulated clearly about expiry date on certificate shall be base on prior certification cycle
08/03/2017	- Bổ sung nội dung về áp dụng các tài liệu của IAF và tổ chức công nhận/ Add the content on apply the document of IAF and Accreditation Body - Ngày hiệu lực của chứng chỉ cấp mở rộng, cấp đổi là ngày hiệu lực của chứng chỉ đã được cấp trước trong chu kỳ đó vào mục 9.2/ Regulate that the effective date of expanding, exchanging certification decision shall be the effective date of latest decision in the same cycle in clase 9.2 - Quy định thêm hồ sơ chứng nhận bao gồm 01 file word hướng dẫn sử dụng dấu chứng nhận. Gửi file mềm hướng dẫn sử dụng dấu chứng nhận qua email cho KH. In email này lưu trong hồ sơ chứng nhận (để chứng tỏ rằng VICB đã thông báo cho KH về quyền sử dụng dấu CN)/ Regulate that certification document also include 01 file regulation for using certification marks. The regulation for using certification marks shall be sent to client through email and printed for certification records - Sửa quy định tại mục 8.1.2 từ F00-10-15 thành F00-10-18
11/04/2018	- Bổ sung vào mục 8.1 Đăng ký chứng nhận các quy định của IAF MD2:2017/ Add specific provisions of IAF MD2:2017 in the case the client has been certified by another certification body.
30/10/2021	- Tiêu đề tài liệu: Thay từ "QMS" bằng từ "MANAGEMENT SYSTEM"/ Replace the word "QMS" with the word "MANAGEMENT SYSTEM" - Mục 1: Bổ sung từ "FSSC 22000", Thay từ "OHSAS 18001" bằng từ "ISO 45001"/ Add "FSSC 22000". Replace the word "OHSAS 18001" with the word "ISO 45001". - Mục 2 và mục 3: Thay từ "QMS" bằng từ "management system". Bổ sung từ "FSSC

	22000, GMP"/ Replace the word "QMS" with the word "management system". Add the word "FSSC 22000, GMP" - Mục 6.1: bổ sung ISO/IEC 17021-2:2016 / Clause 6.1: Update ISO/IEC 17021-2:2016 - Mục 6.2: Sử dụng từ ngữ đúng với đối tượng được chứng nhận từ "danh mục các sản phẩm của tổ chức được VICB chứng nhận" thành "danh sách các tổ chức được VICB chứng nhận"/ Clause 6.2: Replace the phrase "the list of the products of organizations certified by VICB" to "the list of the organizations certified by VICB" - Mục 6.7: Bỏ từ "chất lượng"/ Remove the word "quality" - Mục 8.4.2 và 15: cập nhật mã số biểu mẫu (BM) và bổ sung BM mới: BM Quyết định chứng nhận từ F01-02-01-Rev 00, 05/2016 thành F01-02-01A-Rev 01, 10/2021; BM Quyết định đình chỉ hiệu lực chứng nhận từ F01-02-02-Rev 00, 05/2016 thành F01-02-01B-Rev 01, 10/2021; BM Quyết định huỷ bỏ hiệu lực chứng nhận từ F01-02-03-Rev 00, 05/2016 thành F01-02-01C-Rev 01, 10/2021; BM Mẫu chứng chỉ HTQL (9001) từ F01-02-04-Rev 00, 05/2016 thành F01-02-02A-Rev 01, 10/2021; BM Mẫu chứng chỉ HTQL (22000) từ F01-02-05-Rev 00, 05/2016 thành F01-02-02B-Rev 01, 10/2021; BM Mẫu chứng chỉ HTQL (FSSC 22000) từ F01-02-05-Rev 00, 05/2016 thành F01-02-02C-Rev 01, 10/2021; BM Mẫu chứng chỉ HTQL (HACCP) từ F01-02-06-Rev 00, 05/2016 thành F01-02-02D-Rev 01, 10/2021; BM Mẫu chứng chỉ HTQL (GMP) F01-02-02E-Rev 00, 10/2021; BM Mẫu chứng chỉ HTQL (14001) từ F01-02-07-Rev 00, 05/2016 thành F01-02-02F-Rev 01, 10/2021; BM Mẫu chứng chỉ HTQL (45001) từ F01-02-08-Rev 00, 05/2016 thành F01-02-02G-Rev 01, 10/2021/ Clause 8.4.2 and 15: Update and add new forms code: Code of Certification decision form changes from F01-02-01-Rev 00, 05/2016 to F01-02-01A-Rev 01, 10/2021; Suspended certification decision form changes from F01-02-02-Rev 00, 05/2016 to F01-02-01B-Rev 01, 10/2021; Withdrawed certification decision form changes from F01-02-03-Rev 00, 05/2016 to F01-02-01C-Rev 01, 10/2021; Management System Certification form: 9001 from F01-02-04-Rev 00, 05/2016 to F01-02-02A-Rev 01, 10/2021; 22000 from F01-02-05-Rev 00, 05/2016 to F01-02-02B-Rev 01, 10/2021; FSSC 22000 from F01-02-05-Rev 00, 05/2016 to F01-02-02C-Rev 01, 10/2021; HACCP from F01-02-06-Rev 00, 05/2016 to F01-02-02D-Rev 01, 10/2021; GMP F01-02-02E-Rev 00, 10/2021; 14001 from F01-02-07-Rev 00, 05/2016 to F01-02-02F-Rev 01, 10/2021; 45001 from F01-02-08-Rev 00, 05/2016 to F01-02-02G-Rev 01, 10/2021. - Mục 12: Update logo, dấu chứng nhận mới HTQL và ban hành các thông báo sử dụng dấu chứng nhận, cập nhật mã số và bổ sung biểu mẫu (BM) Thông báo sử dụng dấu chứng nhận mới tương ứng với các chuẩn mực chứng nhận: từ F01-09-03-Rev 00, 07/2018 thành F01-02-03A-Rev 01, 10/2021 đối với 9001; từ F01-09-04-Rev 00, 07/2018 thành F01-02-03B-Rev 01, 10/2021 đối với 22000; từ F01-09-05a-Rev 01, 04/2021 thành F01-02-03D-Rev 02, 10/2021 đối với HACCP; từ F01-09-05b-Rev 01, 04/2021 thành F01-02-03C-Rev 02, 10/2021 đối với FSSC 22000; từ F01-09-05c-Rev 01, 09/2020 thành F01-02-03F-Rev 02, 10/2021 đối với 14001; từ F01-09-05d-Rev 01, 04/2021 thành F01-02-03G-Rev 02, 10/2021 đối với 45001; F01-02-03E-Rev 00, 10/2021 đối với GMP/ Clause 12: / Update logo, certification mark and issue notice of use certification mark, update and add new forms code for Notice of use Standard certification mark: changes from F01-09-03-Rev 00, 07/2018 to F01-02-03A-Rev 01, 10/2021 (9001); from F01-09-04-Rev 00, 07/2018 to F01-02-03B-Rev 01, 10/2021 (22000); from F01-09-05a-Rev 01, 04/2021 to F01-02-03D-Rev 02, 10/2021 (HACCP); from F01-09-05b-Rev 01, 04/2021 to F01-02-03C-Rev 02, 10/2021 (FSSC 22000); from F01-09-05c-Rev 01, 09/2020 to F01-02-03F-Rev 02, 10/2021 (14001); from F01-09-05d-Rev 01, 04/2021 to F01-02-03G-Rev 02, 10/2021 (45001); F01-02-03E-Rev 00, 10/2021 (GMP).
12/04/2022	- Bổ sung thêm các thông tin, quy định riêng cho chứng nhận FAMI-QS tại các mục: Mục 1: Phạm vi áp dụng; Mục 2: Thuật ngữ, định nghĩa; Mục 3: Chuẩn mực chứng nhận; Mục 5 (5.3): Trách nhiệm của khách hàng; Mục 6 (6.1, 6.2): Trách nhiệm của VICB; Mục 7 (7.2, 7.3): Hiệu lực chứng nhận; Mục 8: Đánh giá chứng nhận HTQL (Lưu đồ, 8.1.3, 8.1.4, 8.2.3, 8.3, 8.4); Mục 9: Duy trì hiệu lực chứng nhận (9.1, 9.2); Mục 10: Huỷ bỏ/ Thu hồi chứng chỉ; Mục 11: Tái chứng nhận; Mục 12: Sử dụng dấu chứng nhận của VICB; Mục 15: Hồ sơ/ Additional information and specific regulations for FAMI-QS certification in the following Clause: Clause 1:

	Scope of application; Clause 2: Terms and definitions; Clause 3: Certification standards; Clause 5 (5.3): Customer Responsibilities; Clause 6 (6.1, 6.2): Responsibilities of VICB; Clause 7 (7.2, 7.3): Certification validity; Clause 8: Certification of Management System (Flowchart, 8.1.3, 8.1.4, 8.2.3, 8.3, 8.4); Clause 9: Maintaining certification validity (9.1, 9.2); Clause 10: Cancellation/Revocation of Certificates; Clause 11: Recertification; Clause 12: Using VICB's certification mark; Clause 15: Records.
14/05/2022	- Mục 2 và các mục: Bổ sung khái niệm, viện dẫn phần mềm quản lý LIMS/Add LIMS management software. - Mục 8.4.3: Quy định lưu file scan hồ sơ chứng nhận mà không phải lưu hồ sơ giấy./ To save scanned files of certification documents without having to save paper documents. - Mục 9.1; mục 15: Bổ sung mẫu quyết định duy trì chứng nhận HTQL F01-02-01D/ Add the form F01-02-01D certification maintenance decision. - Bổ sung thêm các thông tin, quy định riêng cho chứng nhận JFS-C tại các mục: Mục 1: Phạm vi áp dụng; Mục 2: Thuật ngữ, định nghĩa; Mục 3: Chuẩn mực chứng nhận; Mục 6 (6.1): Trách nhiệm của VICB; Mục 7 (7.2, 7.3): Hiệu lực chứng nhận; Mục 8: Đánh giá chứng nhận HTQL (Lưu đồ, 8.3, 8.4); Mục 9: Duy trì hiệu lực chứng nhận (9.1, 9.2); Mục 12: Sử dụng dấu chứng nhận của VICB; Mục 15: Hồ sơ/ Additional information and specific regulations for FAMI-QS certification in the following Clause: Clause 1: Scope of application; Clause 2: Terms and definitions; Clause 3: Certification standards; Clause 6 (6.1): Responsibilities of VICB; Clause 7 (7.2, 7.3): Certification validity; Clause 8: Certification of Management System (Flowchart, 8.2.3, 8.3, 8.4); Clause 9: Maintaining certification validity (9.1, 9.2); Clause 12: Using VICB's certification mark; Clause 15: Records. - Mục 14: Nêu trách nhiệm thanh toán theo hợp đồng ký kết/ payment liability according to the signed contract
29/11/2022	- Bổ các thông tin, quy định riêng cho chứng nhận JFS-C tại các mục: Mục 1: Phạm vi áp dụng; Mục 2: Thuật ngữ, định nghĩa; Mục 3: Chuẩn mực chứng nhận; Mục 6 (6.1): Trách nhiệm của VICB; Mục 7 (7.2, 7.3): Hiệu lực chứng nhận; Mục 8: Đánh giá chứng nhận HTQL (Lưu đồ, 8.3, 8.4); Mục 9: Duy trì hiệu lực chứng nhận (9.1, 9.2); Mục 12: Sử dụng dấu chứng nhận của VICB; Mục 15: Hồ sơ/ Additional information and specific regulations for FAMI-QS certification in the following Clause: Clause 1: Scope of application; Clause 2: Terms and definitions; Clause 3: Certification standards; Clause 6 (6.1): Responsibilities of VICB; Clause 7 (7.2, 7.3): Certification validity; Clause 8: Certification of Management System (Flowchart, 8.2.3, 8.3, 8.4); Clause 9: Maintaining certification validity (9.1, 9.2); Clause 12: Using VICB's certification mark; Clause 15: Records. - Bổ sung nguồn cho khách hàng phản hồi thông tin về khiếu nại tại mục 13. Bồi thường trách nhiệm và khiếu nại (13.2)/ Additional sources for customers to respond to complaints in Section 13. Liability compensation and complaints (13.2).
22/05/2023	- Mục 6, mục 8.4: Cập nhật ISO 22003-1:2022/ Section 6, Section 8.4: Update to ISO 22003-1:2022 - Mục 12: Cập nhật dấu hiệu chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) và Hệ thống thực hành sản xuất tốt phù hợp tiêu chuẩn GMP – CODEX ALIMENTARIUS / Section 12: Update the certification mark of the food safety management system, the Hazard Analysis and Critical Control Point (HACCP) system and Certification mark for good manufacturing practice GMP – CODEX ALIMENTARIUS - Biểu mẫu F01-02-02B, F01-02-03B, F01-02-03D cập nhật ISO 22003-1:2022 và URL của sổ đăng ký JAS-ANZ / Forms F01-02-03B, F01-02-03B., F01-02-03D Update to ISO 22003-1:2022 and the URL for the JAS-ANZ register - Biểu mẫu F01-02-02D, F01-02-02E, F01-02-03D, F01-02-03E cập nhật TCVN 5603:2023 – (CXC 1-1969, Revised 2020)/ Forms F01-02-02D, F01-02-02E,

	F01-02-03D, F01-02-03E Update to TCVN 5603:2023 – (CXC 1-1969, Revised 2020) - Mục 6.7: Sửa Hội đồng cố vấn (HĐCV) thành Hội đồng chứng nhận (HĐCN)/ Section 6.7: Modify the Advisory Council to the Certification Council - Cập nhật URL cửa sổ đăng ký JAS-ANZ (www.jas-anz.org/register) hiển thị ngay bên dưới biểu tượng tại các dấu hiệu chứng nhận có logo của JAS-ANZ tại mục 12 và biểu mẫu F01-02-02a, F01-02-02f, F01-02-03a, F02-02-03f/ Update The URL for the JAS-ANZ register (www.jas-anz.org/register) must be displayed directly beneath the symbol at section 12 and F01-02-02a, F01-02-02f, F01-02-03a, F02-02-03f
06/11/2023	- Bổ sung viện dẫn ISO/TS 22003:2013 và các điều khoản liên quan, áp dụng song song 2 tiêu chuẩn cho đến khi hoàn toàn được công nhận ISO 22003-1:2022 mới sử dụng sang ISO 22003-1:2022/ Add reference to ISO/TS 22003:2013 and related terms, apply 2 standards in parallel until completely ISO 22003-1:2022 recognized, then use to ISO 22003-1:2022 - Biểu mẫu F01-02-02b, F01-02-02d, F01-02-03b, F01-02-03d, F01-02-03e: Bổ sung viện dẫn ISO/TS 22003:2013/ Forms F01-02-02b, F01-02-02d, F01-02-03b, F01-02-03d, F01-02-03e Add reference to ISO/TS 22003:2013 - Mục 8.4 bổ sung h) các trường hợp bất lợi khác như thu hồi sản phẩm/ Section 8.4 add h) other adverse circumstances such as product recalls - Mục 8.2.4 f) Bổ sung quy định về lựa chọn thành phần đoàn đánh giá chứng nhận FAMI-QS/ Section 8.2.4 f) Additional regulations on selection of members of the FAMI-QS certification audit team - Mục 8.1.4 Cập nhật IAF MD 2:2023/ Section 8.1.4 Update IAF MD 2:2023 - Biểu mẫu F01-02-02H: Viện dẫn thực hiện các biện pháp chống gian lận/phòng vệ thức ăn chăn nuôi theo FAMI-QS Feed Fraud Prevention and Defence Module Version 1 / Form F01-02-02H: Reference implements measures for feed fraud/feed defense according to the FAMI-QS Feed Fraud Prevention and Defence Module Version 1 - Tại lưu đồ chứng nhận sửa từ “BP CSKH xử lý /V00-09” thành “Xử lý phản nàn, khiếu nại /V00-09”/ Certificatetion flow chart edited from “Handling by CSKH department” to “Handling complaints, appeals/ V00-09”
30/11/2023	- Biểu mẫu F01-02-01a, F01-02-02a, F01-02-02b, F01-02-02c, F01-02-02d, F01-02-02e, F01-02-02f, F01-02-02g, F01-02-02h: bỏ phương thức đánh giá/ Forms F01-02-01a, F01-02-02a, F01-02-02b, F01-02-02c, F01-02-02d, F01-02-02e, F01-02-02f, F01-02-02g, F01-02-02h Remove method of certification. - Mục 5.6; 6; 7; 8.1.4; 8.3.10; 10 và lưu đồ thay đổi từ “thu hồi” thành “hủy bỏ” / Section 5.6; 6; 7; 8.1.4; 8.3.10; 10 and flow chart change from “withdrawn” to “cancel”.

Phê duyệt/ Approved by	Hiệu lực/ Validity	Hệ thống / Systematicity	Khả thi/ Feasibility
Ngày/ Date	30/11/2023	30/11/2023	30/11/2023
Ký tên/ Signature			
Họ Tên/ Full name	Nguyễn Thị Yến	Đặng Thị Hương	Nguyễn Hoài Thu
Chức danh/ Position	Tổng Giám đốc/ General Director	Giám đốc Chứng nhận/ Certification Director	Trưởng Phòng Chứng nhận/ Head of Certification Department

1. Phạm vi áp dụng Tài liệu này quy định một số nguyên tắc cơ bản mà Công ty Cổ phần Chứng nhận và Giám định VICB (VICB) thực hiện trong quá trình đánh giá, chứng nhận ISO 9001, ISO 22000, FSSC 22000, HACCP, GMP, ISO 14001, ISO 45001, 5S, FAMI-QS. Tài liệu này được cung cấp cho các khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ chứng nhận của VICB.	1. Scope This document specifies some general principles that VICB Inspection and Certification JSC (VICB) applies during an audit against ISO 9001, ISO 22000, FSSC 22000, HACCP, GMP, ISO 14001, ISO 45001, 5S, FAMI-QS. This document is provided to customers who apply to use certification services of VICB.
2. Thuật ngữ, định nghĩa 2.1 Khách hàng: Tổ chức đề nghị VICB chứng nhận HTQL (hệ thống quản lý) 2.2 Chứng nhận: Sự xác nhận của VICB đối với HTQL của khách hàng phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng; 2.3-Đánh giá tài liệu: Đánh giá ban đầu hệ thống tài liệu theo các yêu cầu của tiêu chuẩn tương ứng; 2.4 Đánh giá giai đoạn 1: Xem xét sự đầy đủ tài liệu của HTQL và sự sẵn sàng của khách hàng cho việc đánh giá chứng nhận giai đoạn 2; 2.5 Đánh giá giai đoạn 2: Đánh giá việc thực hiện và hiệu lực của HTQL 2.6 Tiêu chuẩn về HTQL: Các HTQL dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế, các tiêu chuẩn quốc gia hoặc tiêu chuẩn hiệp hội được thừa nhận như: nhận ISO 9001, ISO 22000, FSSC 22000, HACCP, GMP, ISO 14001, ISO 45001, FAMI-QS, ... 2.7 Đoàn đánh giá: Một hay nhiều chuyên gia đánh giá tiến hành cuộc đánh giá được sự hỗ trợ, nếu cần thiết, của các chuyên gia kỹ thuật; 2.8 Chuyên gia đánh giá (CGĐG): Người có năng lực để tiến hành một cuộc đánh giá; 2.9 Chuyên gia kỹ thuật (CGKT): Người cung cấp các kiến thức hay kinh nghiệm chuyên môn cụ thể cho đoàn đánh giá. 2.10 Hệ thống quản lý (HTQL): Tập hợp các yếu tố có liên quan hoặc tương tác lẫn nhau của tổ chức để thiết lập chính sách, mục tiêu và các quá trình để đạt được các mục tiêu đó. 2.11 LIMS: Phần mềm quản lý của VinaCert.	2. Terms and definitions 2.1. Customer/Client: The organization requesting VICB to certify its Management System; 2.2. Certification: The confirmation of VICB that the management system of the client conforms with the corresponding standard(s). 2.3. Document review: Initial assessment of the document system in accordance with requirements of the corresponding standard(s); 2.4. Stage 1 audit: Consider the sufficiency of documentation for Management System and the readiness of the client for stage 2 audit; 2.5. Stage 2 audit: audit the implementation and effectiveness of the Management System; 2.6. Management system standard: management systems are based on international standard(s), national standard(s) or recognized association standard(s) such as ISO 9001, ISO 22000, FSSC 22000, HACCP, ISO 14001, ISO 45001, FAMI-QS, ... 2.7. Audit team: one or more auditors conducting an audit with the support of technical expert(s), if necessary; 2.8. Auditor: the person having competence to conduct an audit; 2.9. Technical expert: a person providing knowledge or specific professional experience to the audit team. 2.10 Management system (HTQL): A management system is a set of interrelated or interacting elements that organizations use to formulate policies and objectives and to establish the processes that are needed to ensure that policies are followed and objectives are achieved. 2.11 VinaCert's management software
3. Chuẩn mực chứng nhận 3.1. VICB đánh giá chứng nhận dựa trên các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN), tiêu chuẩn quốc tế (ISO) hoặc tiêu chuẩn nước ngoài tùy thuộc yêu cầu của khách hàng đăng ký chứng nhận: ISO 9001, ISO 22000, FSSC 22000, HACCP, GMP, ISO 14001, ISO 45001, FAMI-QS, hoặc các tiêu chí	3. Certification criteria 3.1. VICB conducts certification audits according to national standard(s), international standard(s) (ISO) or foreign standard(s) depending on requirements of clients applying for certification of ISO 9001, ISO 22000, FSSC 22000, HACCP, GMP, ISO 14001, ISO 45001, FAMI-QS, or

do VICB xây dựng và ban hành. 3.2. Khi có sự thay đổi hoặc bổ sung của các tiêu chuẩn hiện hành, VICB thông báo cho khách hàng về những chuẩn mực chứng nhận mới; VICB thẩm tra việc tuân thủ các yêu cầu chứng nhận mới của các khách hàng được chứng nhận. 3.3. Phạm vi chứng nhận HTQL chất lượng của VICB phù hợp với quy định của Diễn đàn công nhận quốc tế IAF và được nêu trong phụ lục công nhận của tổ chức công nhận hiện tại (IAF MD1, IAF MD2, IAF MD4, IAF MD5, IAF MD11 và các tài liệu liên quan khác của tổ chức công nhận JAS-ANZ, FAMI-QS (phiên bản cập nhật) Phạm vi chứng nhận mô tả phạm vi và giới hạn đánh giá (địa điểm, đơn vị tổ chức, hoạt động và quy trình cần đánh giá)/ Khi quy trình đánh giá chứng nhận lần đầu hoặc tái chứng nhận gồm nhiều hơn 1 cuộc đánh giá (ví dụ: nhiều địa điểm) phạm vi của một cuộc đánh giá riêng rẽ không bao trùm toàn bộ phạm vi đánh giá chứng nhận, tổng số các cuộc đánh giá thì phù hợp với phạm vi trong tài liệu chứng nhận.	criteria developed and issued by VICB. 3.2. When having some changes or supplement of applicable standards, VICB will inform clients of new criteria/changes; VICB shall verify the compliance of its certified clients with the new requirements. 3.3. Scope of certification by VICB depends on regulations of International Accreditation Forum (IAF) and stated in annex of accreditation body on current time (IAF MD 1; IAF MD 2; IAF MD 4; IAF MD 5; IAF MD11, other related documents of JAS-ANZ Accreditation Body, FAMI-QS (Updated Version) The audit scope describes the extent and boundaries of the audit, such as physical locations, organizational units, activities and processes to be audited. Where the initial certification or re-certification process consists of more than one audit (e.g. covering different locations), the scope of an individual audit does not cover the full certification scope, the totality of audits is consistent with the scope in the certification document.
4. Nguyên tắc hoạt động của VICB Đảm bảo sự nhất quán, khách quan, công bằng, không thiên vị, công khai trong hoạt động đánh giá chứng nhận và bảo mật các thông tin của khách hàng.	4. Operation Principles of VICB Ensuring the consistency, objectivity, impartiality, publicity of certification activities and maintaining the confidentiality of all information of the clients.
5. Trách nhiệm của khách hàng 5.1 Tạo điều kiện để Chuyên gia đánh giá của VICB tiếp cận tất cả các điểm được đánh giá trong điều kiện làm việc bình thường và cung cấp những thông tin cần thiết cho VICB để hoàn thiện quá trình đánh giá; tạo điều kiện cho việc hiện diện của các quan sát viên (ví dụ: chuyên gia đánh giá công nhận, chuyên gia đánh giá tập sự) 5.2 Bố trí người dẫn đường thông thạo địa hình và am hiểu những quy định về an toàn lao động của khách hàng cho đoàn đánh giá; 5.3 Cử người đại diện cho lãnh đạo chịu trách nhiệm liên lạc với VICB và chịu trách nhiệm xác nhận các thông tin liên quan đến quá trình tiến hành và hồ sơ chứng nhận (chứng chỉ, quyết định và các văn bản liên quan khác (nếu có)). 5.4 Sử dụng Logo, dấu hiệu chứng nhận của VICB theo đúng quy định tại mục 12 của Quy định này và cam kết không gây bất kỳ sự sai lệch nào về chứng nhận; Khi thay đổi phạm vi hệ thống, mọi vật liệu quảng cáo đều thay đổi theo; 5.5 Không sử dụng chứng chỉ cho các hoạt động ngoài phạm vi chứng nhận và không sử dụng chứng chỉ trong các hoạt động mang tiếng xấu	5. Responsibilities of clients 5.1 Facilitating auditors of VICB to have access to all sites audited in normal working conditions and providing necessary information for the VICB to complete the audit process; to make provisions, where applicable, to accommodate the presence of observers (e.g. accreditation auditors or trainee auditors); 5.2 Appointing a pilot, who knows clearly about terrain and understanding regulations on labor safety set by the customer, to support the audit team; 5.3. Appointing a representative who is responsible for communicating with VICB and confirming the information related to the certification process and documents (certificates, decisions and other relevant documents (if any)). 5.4. Using VICB's logo and certification mark in accordance with the provisions of section 12 and commit to not misuse the certification; When changing the scope of the system, all advertising materials must be changed accordingly; 5.5 Do not use the certificate for other purposes out of the certification scope and do not use the certificate in a manner which negatively affects

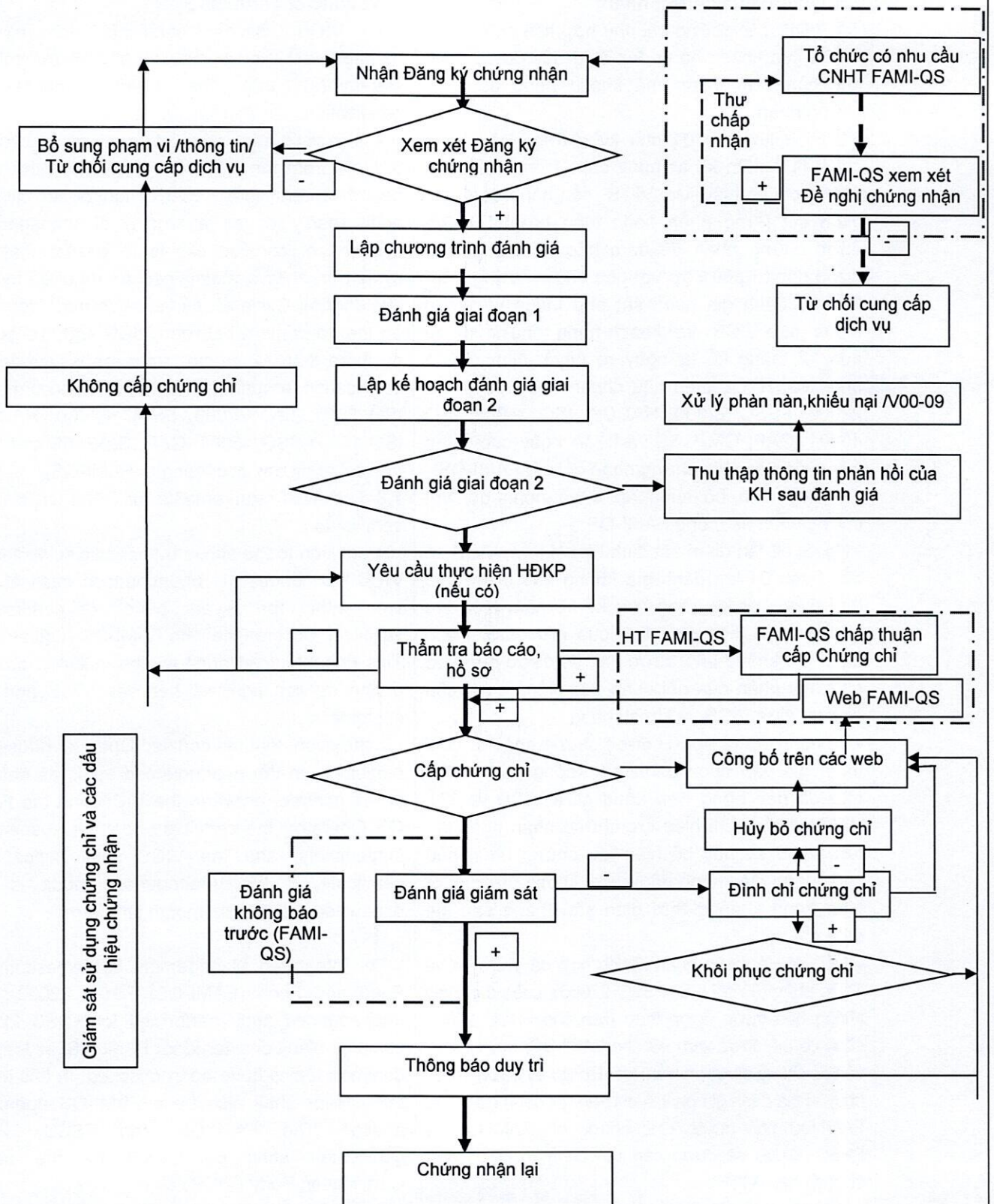
cho VICB. 5.6 Thực hiện đầy đủ các quy định của VICB, đặc biệt về việc duy trì hệ thống, chấp nhận điều kiện đình chỉ hoặc hủy bỏ chứng chỉ của VICB. 5.7. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong hợp đồng đã ký với VICB. 5.8. Không sử dụng hoặc cho phép người khác sử dụng toàn bộ hay một phần tài liệu chứng nhận theo cách gây hiểu nhầm, sai lệch.	VICB's reputation; 5.6. Fully complying with provisions specified by VICB, especially on the maintenance of the system, acceptance of the conditions of certificate suspension or cancelation set by VICB. 5.7 Fully taking all responsibilities in the contract signed with VICB; 5.8. Not using or permitting the use of a certification document or any part thereof in a misleading manner.
6. Trách nhiệm của VICB 6.1 Thực hiện việc đánh giá, chứng nhận theo đúng yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17021-1:2015; ISO/IEC 17021-2:2016; ISO/IEC 17021-3:2017; ISO/TS 22003:2013, ISO 22003-1:2022, FAMI-QS: Rules for Certification Bodies Ver 8/Rev 3. 6.2 Xây dựng và thông báo trên website http://www.vinacert.vn (cập nhật tự động sau khi Chứng chỉ/ Giấy chứng nhận được phê duyệt trên phần mềm Lims) danh sách các tổ chức được VICB chứng nhận. Ngoài ra, đối với các khách hàng chứng nhận HTQL FAMI-QS thông tin chứng nhận của khách hàng sẽ được công khai trên website (https://fami-qs.org) của tổ chức FAMI-QS. VinaCert cũng sẽ công bố công khai các thông tin về quá trình công nhận liên quan đến Chương trình chứng nhận trên website của Vinacert. 6.3 Bảo mật các thông tin liên quan đến Khách hàng ngoài những thông tin đã công bố ở phần 6.2. Thông báo trước cho khách hàng về các thông tin VICB dự định sẽ công khai trong trường hợp VICB được pháp luật yêu cầu hoặc được cho phép theo thỏa thuận hợp đồng (ví dụ như với tổ chức công nhận cho VICB, Fami-QS) trừ khi pháp luật ngăn cấm. VICB bảo mật tất cả các thông tin về khách hàng trong quá trình làm việc trừ khi có yêu cầu của luật pháp. 6.4 Thông báo cho khách hàng những ý kiến phản hồi mà VICB nhận được liên quan đến chất lượng sản phẩm, dịch vụ của khách hàng. 6.5 Tuân thủ các nội quy, quy định của khách hàng tại điểm đánh giá. 6.6 Thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong hợp đồng đã ký với khách hàng; chịu trách nhiệm và duy trì thẩm quyền đối với những quyết định của mình liên quan đến chứng nhận, bao gồm việc cấp, từ chối, duy trì chứng nhận, mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi chứng nhận, cấp lại, đình chỉ hoặc khôi phục sau khi đình chỉ hay hủy bỏ chứng nhận.	6. Responsibilities of VICB 6.1. Performing the audit and certification as required by ISO/IEC 17021-1:2015; ISO/IEC 17021-2:2016 ISO/IEC 17021-3:2017 và ISO/TS 22003:2013 ISO 22003-1:2022 standards and FAMI-QS: Rules for Certification Bodies Ver 8/Rev 3. 6.2. Developing and announcing on the website http://www.vinacert.vn (updated automatically after Certificate is approved on Lims software) the list of the organizations certified by VICB. In addition, for customers certifying the FAMI-QS management system, their certification information will be publicly available on the website (https://fami-qs.org) of FAMI-QS organization. VinaCert will also make the information publicly available about the accreditation process related to the Certification Program on Vinacert's website 6.3. Ensuring the confidentiality of information relating to customers in addition to the published information in section 6.2 and 11.4; informing the client, in advance, of the information VICB intends to place in the public domain when VICB is required by law or authorized by contractual arrangements (such as with the AB's VICB) unless prohibited by law. VICB confidential all information obtained or created during the performance of the CAB's activities except as required by law. 6.4. Informing clients of feedback received by VICB regarding to quality of services and products, procedures or the management system of the clients. 6.5. Complying with the rules and regulations of the customers on the audit site; 6.6. Fully taking all responsibilities mentioned in the service contract entered with the clients; responsible for retain authority for, its decisions relating to certification, including the granting, refusing, maintaining of certification, expanding or reducing the scope of certification, renewing, suspending or restoring following suspension, or

6.7 Đảm bảo sự độc lập khách quan, không thiên vị và công khai - Thông qua chính sách sử dụng CGĐG của mình. Thành viên trong đoàn đánh giá phải: - Không có mối quan hệ về tài chính với khách hàng (KH). - Không có mối quan hệ gia đình với các lãnh đạo chủ chốt của KH. - Không tư vấn Sản phẩm cho KH. - Không chứng nhận về hệ thống quản lý cho một tổ chức chứng nhận khác. - Thông qua hoạt động của Hội đồng chứng nhận (HĐCN). Các thành viên trong HĐCN phải đảm bảo: - Đại diện được lợi ích cho tất cả các bên; - Không chịu các áp lực về tài chính; công việc; tình cảm trong các quyết định của mình; - Am hiểu luật pháp. - Thông qua hoạt động của các phòng thử nghiệm cam kết độc lập, bảo mật, khách quan. Cung cấp và cập nhật cho KH các thông tin về chứng nhận lần đầu và các hoạt động tiếp theo đó, bao gồm việc đăng ký, đánh giá lần đầu, đánh giá giám sát và quá trình cấp, từ chối, duy trì chứng nhận, mở rộng hoặc thu hẹp phạm vi chứng nhận, cấp lại, đình chỉ hoặc khôi phục, hủy bỏ chứng nhận và các quy định về sử dụng dấu/logo chứng nhận, phí đánh giá chứng nhận. - Lập danh sách các tổ chức, cá nhân có liên quan tới hoạt động đánh giá chứng nhận của VICB tiềm ẩn những mối nguy dẫn đến sự không công bằng và biện pháp phòng ngừa nhằm đảm bảo tính công bằng trong hoạt động đánh giá của VICB; - Tạo điều kiện thuận lợi để khách hàng của VICB có điều kiện tham gia quyết định lựa chọn thành phần đoàn đánh giá nếu KH nhận thấy tiềm ẩn sự không công bằng trong hoạt động đánh giá chứng nhận của VICB bởi thành phần đoàn đánh giá. - Xây dựng cơ chế giám sát trong quá trình đánh giá nhằm đảm bảo tính công bằng, VICB kiên quyết không sử dụng chuyên gia đánh giá không khai báo rõ ràng quan hệ của mình với khách hàng. 6.8 VICB cam kết chỉ đánh giá, thẩm xét, quyết	cancel of certification. 6.7. Ensuring the independence, objectivity, impartiality, and openness by means of: - The policies of using auditors of VICB. Members in an audit team shall: - have no financial relationship with customers. - have no family relationship with key leaders of clients. - do not provide any Quality Management consultancy service to the customers. - Do not certify another CAB for its management system. - Ensuring the independence, objectivity, impartiality, openness in decision on certification through activities of the Certification Council. Members of Certification Council shall ensure: - to represent the benefits for all parties; - to not have any pressure related to finance, work, emotion in making their decisions; - to have understanding of the Law. - VICB ensures to provide information and update clients a detailed description of the initial and continuing certification activity, including the application, initial audits, surveillance audits, and the process for granting, refusing, maintaining of certification, expanding or reducing the scope of certification, renewing, suspending or restoring, or cancelation of certification and regulations on using logo, certification mark, fees of certification. - VICB makes a list of organizations, individuals relating to certification activities of VICB who have potential risks leading to unfairness and preventive measures to ensure fairness in the audits of VICB; - VICB creates favorable conditions for the clients to be able to participate in making decision on selecting members of the audit team if the clients realize that there are potential risks leading to unfairness caused by the audit team. - VICB builds the monitoring mechanism in the audit process to ensure fairness; VICB is determined to avoid using auditors that do not explicitly declare their relationship with the customers. 6.8 VICB commitment thay only audit, verify,
--	--

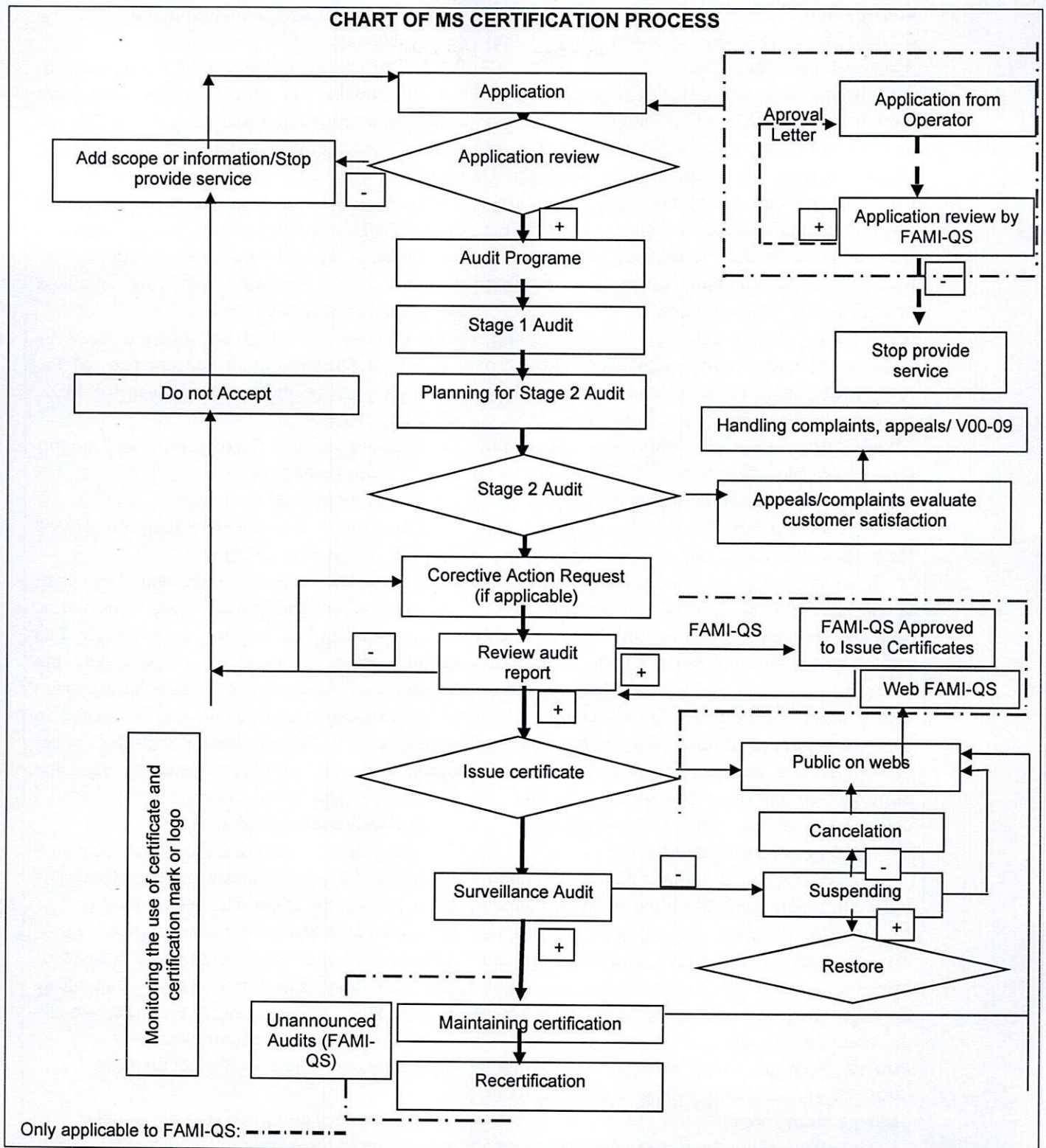
định và giám sát ở những vấn đề liên quan cụ thể đến phạm vi khách hàng đăng ký chứng nhận.	decision and monitoring for the scope applicated. Technical requirements for system certification
7. Hiệu lực của chứng nhận 7.1 VICB cấp chứng chỉ phù hợp tiêu chuẩn cho HTQL của khách hàng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của tiêu chuẩn mà khách hàng đăng ký chứng nhận. 7.2 Hiệu lực cho 01 chu kỳ chứng nhận hoàn chỉnh là 3 năm kể từ ngày cấp. Trong thời gian chứng chỉ có hiệu lực, VICB tiến hành đánh giá giám sát (từng phần hoặc toàn bộ) HTQL đã được chứng nhận để đảm bảo hệ thống luôn được duy trì phù hợp với tiêu chuẩn tương ứng. Chu kỳ đánh giá giám sát phụ thuộc vào thỏa thuận giữa VICB với khách hàng, nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày ra quyết định chứng nhận với HTQL theo tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 22000, FSSC 22000, HACCP, ISO 14001, ISO 45001; GAP; GMP, 5S và kể từ ngày cuối cùng của cuộc đánh giá chứng nhận đối với FAMI-QS. 7.3 Quy định bổ sung áp dụng riêng đối với chứng nhận hệ thống FAMI-QS: - Ngoài 02 lần giám sát định kỳ nói trên, VICB sẽ tiến hành 01 lần đánh giá không báo trước vào thời điểm bất kỳ trong chu kỳ 03 năm hiệu lực chứng nhận theo quy định của FAMI-QS. Cuộc đánh giá không báo trước này sẽ được đưa vào như một phần của nội dung hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa VICB và khách hàng. - Trong trường hợp KH được chứng nhận từ chối tham gia vào cuộc đánh giá không báo trước, như đã nêu trong hợp đồng giữa VICB và KH, VICB sẽ đình chỉ hiệu lực chứng nhận ngay lập tức. VICB sẽ huỷ bỏ hiệu lực chứng nhận nếu cuộc đánh giá không báo trước không được thực hiện trong khoảng thời gian sáu tháng sau khi đình chỉ. - Đối với Hệ thống quản lý tích hợp cả Thức ăn và Thực phẩm (FAMI-QS/ FSSC 22000), cuộc đánh giá không báo trước được thực hiện cho FSSC 22000 cũng có thể được xem xét cho FAMI-QS, miễn là các vấn đề chung đã được kiểm tra. Trong này trường hợp, chuyên gia đánh giá phải là chuyên gia đánh giá được FAMI-QS phê duyệt. Các chứng chỉ FAMI-QS và FSSC 22000 sẽ được cấp bởi cùng một Tổ chức chứng nhận (VICB). - Các nội dung đã được đánh giá trong cuộc đánh giá không báo trước có thể được giảm trừ trong lần đánh giá tiếp theo chỉ trong trường hợp nội dung đó được đánh giá bởi một chuyên gia đánh giá được FAMI-QS phê duyệt (không bao gồm các khu vực sản xuất).	7. Validity of certificate 7.1. VICB issues certificate for clients' management system meeting all requirements of standard(s) that the clients applies for certification. 7.2. The valid for 1 complete certification cycle is 3 years from the date of issue. During the valid period of certificate, VICB conducts surveillance audit (partly or as a whole) of management system of certified clients to ensure that the system is always maintained as required by the standard(s), Cycle of surveillance audit depends on the agreement between VICB and clients but no more than 12 months from the issued-day of certification for management system according to ISO 9001, ISO 22000, FSSC 22000, HACCP, ISO 14001, ISO 45001; GAP; GMP, 5S and from the last audit day according to FAMI-QS. 7.3 Technical requirements for FAMI-QS system certification: - In addition to the above 02 periodic surveillance, VICB will conduct 01 unannounced audit at any time within the 3-year period of certification validity in accordance with FAMI-QS regulations. This unannounced audit will be included as part of the service contract between VICB and the customer. - In the event that the certified Operator refuses to participate in the unannounced audit, as defined in the contract between the VICB and the FAMI-QS Operator, the certificate shall be suspended immediately, and the VICB shall cancel the certificate, if the unannounced audit is not conducted within a six-month timeframe. - For Integrated Management Systems both for Feed and Food (FAMI-QS/ FSSC 22000), the unannounced audit performed for FSSC 22000 could be also considered for FAMI-QS, as long as common topics have been checked. In this case, the auditor shall also be a FAMI-QS approved auditor. The FAMI-QS and FSSC 22000 certificates shall be issued by the same Certification Body (VICB). - Topics checked during the unannounced audit might be skipped during the subsequent audit, only in the case that the audit has been performed by FAMI-QS approved auditor (excluding production areas).

8. Đánh giá chứng nhận hệ thống/ MS certification audit

LƯU ĐỒ CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ



Lưu đồ riêng cho CN FAMI-QS: - - - - -



8.1 Đăng ký chứng nhận và xem xét Đăng ký chứng nhận

8.1.1 VICB thỏa thuận với khách hàng về hợp đồng đánh giá chứng nhận.

8.1.2 Khách hàng cần điền đầy đủ các thông tin theo mẫu “đăng ký chứng nhận” ở quy trình chứng nhận tương ứng và gửi kèm theo các tài liệu theo yêu cầu trong đơn đăng ký cho VICB;

8.1.3 Trường hợp khách hàng đăng ký chứng nhận hệ thống FAMI-QS: cần cung cấp thêm Thư chấp nhận do tổ chức FAMI-QS phê duyệt kèm theo các tài liệu yêu cầu tại phiếu đăng ký chứng nhận FAMI-QS trong F00-25-01.

8.1.4 Trường hợp khách hàng đã được chứng nhận bởi tổ chức chứng nhận khác, việc chấp nhận chứng nhận đó sẽ tuân thủ theo các quy định của IAF MD2:2023, cụ thể như sau:

a) Chứng nhận đủ điều kiện xem xét chuyển đổi phải đảm bảo:

1) Còn hiệu lực ít nhất 6 tháng
2) Được cấp bởi tổ chức chứng nhận được VICB thừa nhận (Danh sách có trong F00-10-07).

3) Trong trường hợp chứng nhận được cấp bởi tổ chức chứng nhận đã ngừng kinh doanh hoặc đã hết hiệu lực công nhận, đã bị đình chỉ hoặc hủy bỏ, việc chuyển đổi phải được hoàn thành trước khi hết hạn chứng nhận và không quá 6 tháng. Trong trường hợp như vậy, trước khi thực hiện chuyển đổi, VICB có trách nhiệm thông báo cho cơ quan công nhận JAS-ANZ được biết về tình trạng của khách hàng chuyển đổi mà VICB dự kiến cấp giấy chứng nhận.

b) Xem xét trước chuyển đổi

1) Để có thể đưa ra quyết định chứng nhận, VICB thực hiện xem xét chứng nhận của khách hàng chuyển đổi bằng phương pháp kiểm tra tài liệu (desk review) hoặc tới địa điểm của khách hàng để xác định tính hiệu lực của chứng nhận tùy thuộc từng yêu cầu cụ thể của mỗi hồ sơ ví dụ: hồ sơ có sự không phù hợp nặng.

Lưu ý: Xem xét chứng nhận của khách hàng trước chuyển đổi không được coi là một cuộc đánh giá chứng nhận.

2) Nhân sự thực hiện xem xét trước chuyển đổi phải có năng lực giống như đối với đoàn đánh giá trong phạm vi chứng nhận được xem xét.

3) Quá trình xem xét chứng nhận trước chuyển đổi phải tối thiểu xác định được những yếu tố sau:

- (i) Xác nhận rằng chứng nhận của khách hàng thuộc phạm vi được công nhận của cả VICB và tổ chức cấp chứng nhận;
- (ii) Xác nhận rằng phạm vi được công nhận

8.1. Application and Application review

8.1.1. VICB makes agreement with the client on a certification contract.

8.1.2. The clients are required to completely fill out the “application form” in the respective certification procedures and send it to VICB with attached documents as required in the application form.

8.1.3 In case the customer applies for certification of the FAMI-QS system: it is necessary to provide an additional Letter of Acceptance approved by the FAMI-QS together with the required documents in F00-25-01.

8.1.4 In case the client has been certified by another certification body, acceptance of the certification will be in accordance with IAF MD2: 2023, as follows:

a) Eligibility of a Certification for Transfer must be ensure:

1) Valid for at least six months.
2) Issued by a certification body recognized by VICB (List in F00-10-07).

3) In cases where certification has been granted by a certification body which has ceased trading or whose accreditation has expired, been suspended or cancelled, the transfer must be completed before the expiration of the certification and no later than 6 months. In such cases, VICB shall inform JAS-ANZ, under whose accreditation VICB intends to issue the certification, prior to the transfer.

b) Pre-Transfer Review

1) In order to take a decision on certification, VICB shall carry out a review of the certification of the transferring client. This review shall be conducted by means of a documentation review (desk review) and visit the customer's location to determine the validity of the certificate depending on the specific requirements of each record e.g. records with major nonconformities.

Note: The pre-transfer visit is not an audit.

2) Personnel performing the pre-transfer review should have the same competence as the audit team within the scope of the certification under consideration.

3) The review shall cover the following aspects as a minimum:

- (i) confirmation that the customer's certification falls within the accredited scope of VICB and the issuing certification body;
- (ii) confirmation that the issuing certification body's accredited scope falls within its

của tổ chức cấp chứng nhận thuộc phạm vi MLA của cơ quan công nhận;

(iii) Lý do chuyển đổi;

(iv) Xác nhận khách hàng sở hữu chứng nhận còn hiệu lực;

(v) Báo cáo đánh giá của chứng nhận lần đầu hoặc báo cáo đánh giá giám sát mới nhất; tình trạng của tất cả các điểm không phù hợp đã được phát hiện và bất kỳ tài liệu có sẵn khác có liên quan tới quá trình chứng nhận. Nếu các báo cáo đánh giá này không được cung cấp hoặc nếu đánh giá giám sát hoặc đánh giá chứng nhận lại chưa hoàn thành theo yêu cầu của chương trình đánh giá của tổ chức cấp chứng nhận thì khách hàng sẽ được coi là một khách hàng mới;

(vi) Tiếp nhận và xử lý khiếu nại, phản nản;

(vii) Xem xét chương trình đánh giá và việc thiết lập kế hoạch đánh giá của tổ chức cấp chứng nhận;

(viii) Mọi cam kết về sự tuân thủ pháp luật hiện tại của khách hàng với các cơ quan quản lý có liên quan đến phạm vi chứng nhận.

4) Toàn bộ quá trình xem xét chứng nhận trước chuyển đổi cũng như những phát hiện của nó phải được lưu hồ sơ.

c) Chuyển đổi Chứng nhận

1) VICB sẽ không cấp chứng nhận cho khách hàng chuyển đổi cho tới khi:

(i) VICB đã thẩm tra việc thực hiện các hành động khắc phục của khách hàng liên quan tới tất cả các điểm không phù hợp nặng.

(ii) VICB đã chấp nhận kế hoạch thực hiện hành động khắc phục của khách hàng chuyển đổi liên quan tới tất cả các điểm không phù hợp nhẹ.

2) Trường hợp trong quá trình xem xét trước chuyển đổi, VICB phát hiện những vấn đề ảnh hưởng cản trở việc chuyển đổi, VICB sẽ coi khách hàng đó là khách hàng mới. Khách hàng chuyển đổi phải được thông báo và giải thích về quyết định đó của VICB. VICB cũng phải lưu hồ sơ toàn bộ về quá trình đưa ra quyết định này

3) Quy trình ra quyết định chứng nhận thông thường tuân thủ theo Điều 9.5 của ISO/IEC 17021-1: 2015 bao gồm cả việc người ra quyết định chứng nhận khác với những người thực hiện xem xét chứng nhận trước chuyển đổi.

4) Nếu không phát hiện vấn đề gì trong quá trình đánh giá xem xét trước chuyển đổi, VICB phải thiết lập chu kỳ chứng nhận tuân theo chu kỳ trước đó của khách hàng.

Nếu VICB quyết định rằng khách hàng này

accreditation body's MLA scope;

(iii) the reasons for seeking a transfer;

(iv) Confirm the customer has a valid certificate;

(v) The audit report of the first certification or the audit report of the most recent recertification and the latest surveillance audit report; the status of all detected nonconformities and any other available documentation relevant to the certification process. If these audit reports are not provided, or if the surveillance audit or recertification audit is not completed as required by the certification body's audit program, the customers will be considered a new customer;

(vi) complaints received and action taken;

(vii) Review the audit program and the establishment of the audit plan by the certification body;

(viii) any current engagement by the transferring client with regulatory bodies relevant to the scope of the certification in respect of legal compliance.

4) The review and its findings shall be fully documented.

c) Transfer of Certification

1) VICB shall not issue certification to the transferring customer until:

(i) VICB has verified the implementation of corrections and corrective actions in respect of all outstanding major nonconformities;

(ii) VICB has accepted the transferring client's plans for correction and corrective action for all outstanding minor nonconformities.

2) Where the pre-transfer review identifies issues that prevent the completion of transfer, VICB shall treat the transferring client as a new client.

The justification for this action shall be explained to the transferring client and shall be documented by VICB and the records maintained.

3) The normal certification decision making process in accordance with clause 9.5 of ISO/IEC 17021-1:2015 shall be followed including that the personnel making the certification decision be different from those carrying out the pre-transfer review.

4) If no problems are identified by the pre-transfer review, the certification cycle shall be based on the previous certification cycle and VICB shall establish the audit programme for the remainder of the certification cycle. Where VICB has had to treat the client as a new client as a

được coi như khách hàng mới thì phải thiết lập chu kỳ chứng nhận mới.

5) VICB phải đưa ra quyết định cho việc chuyển đổi chứng nhận trước khi thực hiện bất kỳ cuộc đánh giá giám sát hay tái đánh giá chứng nhận nào.

d) Sự hợp tác giữa 2 tổ chức chứng nhận (bên cấp và bên tiếp nhận)

1) VICB và tổ chức cấp chứng nhận phải có sự hợp tác để có được tài liệu và thông tin cần thiết theo yêu cầu. Trường hợp không liên hệ được, VICB phải tìm hiểu lý do và nỗ lực tìm kiếm từ các nguồn khác.

2) Khách hàng sẽ phải ủy quyền cho tổ chức cấp chứng nhận được phép cung cấp thông tin cho VICB

3) VICB hoặc khách hàng chuyển đổi phải báo với cơ quan công nhận của tổ chức cấp chứng nhận nếu tổ chức này không cung cấp thông tin hoặc đình chỉ, hủy bỏ chứng chỉ mà không đưa ra lý do nếu khách hàng được xác nhận vẫn tuân thủ yêu cầu của chứng nhận.

4) Khi VICB cấp chứng nhận cho khách hàng chuyển đổi phải báo với tổ chức cấp chứng nhận trước của khách hàng đó.

Lưu ý 1: Khi khách hàng đã được chứng nhận FAMI-QS bởi tổ chức chứng nhận được FAMI-QS công nhận, thì VICB cần thông báo tới với Ban Thư ký FAMI-QS trước khi đánh giá chuyển đổi. Ban thư ký FAMI-QS sẽ thông báo mọi vấn đề cần xem xét thêm liên quan đến việc chuyển đổi chứng chỉ.

Khách hàng thực hiện đăng ký chứng nhận trên phần mềm quản lý LIMS.

8.1.5 VICB tiến hành đánh giá giai đoạn 1 tại hiện trường khi cần thiết hoặc đánh giá thử nếu khách hàng có yêu cầu hợp lý.

8.2 Lập chương trình đánh giá và chuẩn bị đánh giá

8.2.1 Khi khách hàng đã sẵn sàng cho việc đánh giá chứng nhận, VICB lập chương trình đánh giá gồm trường đoàn và thành viên khác khi cần thiết (CGKT, biên phiên dịch, quan sát viên,...) mà không làm ảnh hưởng tới cuộc đánh giá.

8.2.2 Chuyên gia đánh giá được lựa chọn trên cơ sở có đủ năng lực phù hợp với lĩnh vực được đánh giá và đảm bảo tính khách quan của việc đánh giá. Trường hợp VICB không chỉ định được CGĐG có đủ chuyên môn phù hợp với lĩnh vực

result of the pre-transfer review, the certification cycle shall begin with the certification decision.

5) VICB shall take the decision on certification before any surveillance or recertification audits are initiated.

d) Cooperation Between the Issuing and Accepting Certification Bodies

1) VICB and the issuing certification body shall have the cooperation to obtain all the necessary documents and information as required. In case VICB has not been possible to communicate with the issuing certification body, VICB shall record the reasons and make every effort to obtain necessary information from other sources.

2) The transferring client shall authorise that the issuing certification body provides the information sought by VICB.

3) VICB and/or the transferring client shall contact the accreditation body which accredits the issuing certification body where the issuing certification body has not provided the requested information to VICB or suspends or cancel the transferring client's certification without cause while the client continues to satisfy the requirements of certification.

4) Once VICB has issued the certification it shall inform the issuing certification body.

Note 1: Once the customer has been certified for FAMI-QS by a certification body accredited by FAMI-QS, VICB contacts the FAMI-QS Secretariat before transition audit. The FAMI-QS Secretariat will notify any open topics regarding the transfer of certificates.

Customers register for certification on LIMS management software.

8.1.5. VICB conducts an on-site stage 1 audit if necessary or a trial audit if the clients make an appropriate request.

8.2. Audit programme and planning audits

8.2.1. When the applicant is ready for initial certification, VICB will make the audit programme including a lead auditor and other members (technical experts, translators, interpreters, guides, etc.), if necessary; and they do not unduly influence the audit.

8.2.2. Auditors are selected according to their competence in the field of certification and objectivity of the audit. In case that VICB is not able to appoint the lead auditor with sufficient competence in the audited scope, VICB will invite

được đánh giá thì VICB sẽ mời CGKT phù hợp tham gia đoàn đánh giá.

Đoàn đánh giá phải được chỉ định và bao gồm một hoặc các chuyên gia đánh giá (và chuyên gia kỹ thuật, nếu cần thiết) đủ năng lực. Việc lựa chọn đoàn đánh giá để thực hiện cuộc đánh giá phải tuân theo các tài liệu về năng lực của các chuyên gia đánh giá và chuyên gia kỹ thuật và có thể sử dụng nguồn nhân lực, bên trong và bên ngoài. Trong trường hợp đoàn đánh giá chỉ có một chuyên gia đánh giá, chuyên gia phải có đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ của chuyên gia đánh giá trưởng đoàn trong cuộc đánh giá đó. Chương trình đánh giá được lập trên phần mềm LIMS.

8.2.3 VICB thông báo cho khách hàng về kế hoạch đánh giá (qua phần mềm/ email/ thư tín). Nếu khách hàng nhận thấy đoàn đánh giá không đảm bảo tính khách quan thì khách hàng có thể đề nghị và VICB sẽ xem xét thay đổi thành phần đoàn đánh giá cho phù hợp.

8.2.4 Khi quyết định về quy mô và thành phần đoàn đánh giá, cần xem xét các nội dung sau:

- a) các mục tiêu, phạm vi và tiêu chí đánh giá, cũng như thời gian dự tính của cuộc đánh giá;
- b) xác định xem cuộc đánh giá là đánh giá kết hợp, tích hợp hay đánh giá chung;
- c) năng lực cần thiết của đoàn đánh giá để đạt được các mục tiêu của cuộc đánh giá;
- d) các yêu cầu chứng nhận (bao gồm mọi quy định được áp dụng của pháp luật, các nội quy và yêu cầu của hợp đồng);
- e) ngôn ngữ và văn hóa;
- f) các thành viên của đoàn đánh giá đã từng tham gia đánh giá hệ thống quản lý của khách hàng chưa.

Lưu ý: Đối với chứng nhận hệ thống FAMI-QS VICB được phép chỉ định cùng một CGĐG trong 3 năm liên tiếp tại cùng một địa điểm. CGĐG chỉ có thể đánh giá lại khách hàng này sau khi tạm dừng 3 năm.

Có thể đưa ra một ngoại lệ đối với những điều đã đề cập ở trên, trong trường hợp CGĐG là thành viên của đoàn đánh giá và điều này là hợp lý. Việc đánh giá tính khách quan phải được thực hiện trước khi trả tự do cho CGĐG được đề cập. Việc đánh giá tính khách quan này sẽ được thực hiện theo từng cuộc đánh giá và cần có xác nhận của Hội đồng chứng nhận.

8.2.5 Các chuyên gia đánh giá tập sự có thể tham gia đoàn đánh giá và sẽ có một chuyên gia đánh giá được chỉ định làm người đánh giá. Chuyên gia đánh giá phải có đủ năng lực để thực

a suitable technical expert as a member of the audit team.

The audit team must be appointed and include one or more auditors (and technical experts, as necessary) having enough competence. The selection of the team shall be performed with reference to the designations of competence of auditors and technical experts, and may include the use of both internal and external human resources. If there is only one auditor, the auditor shall have the competence to perform the duties of an audit team leader applicable for that audit.

The audit programme is made on LIMS software.

8.2.3. VICB informs customer of the audit plan (via software/email/letter). If the clients realize that the audit team cannot ensure the objectivity, the clients can make a request to VICB and VICB will consider changing the composition of the audit team.

8.2.4 In deciding the size and composition of the audit team, consideration shall be given to the following:

- a) audit objectives, scope, criteria and estimated time of the audit;
- b) whether the audit is a combined, integrated or joint audit;
- c) the overall competence of the audit team needed to achieve the objectives of the audit;
- d) certification requirements (including any applicable statutory, regulatory or contractual requirements);
- e) language and culture;
- f) whether the members of the audit team have previously audited the client's management system.

Note: For FAMI-QS

VICB are allowed to assign the same auditor to the same Operator, only for three (3) consecutive years. After this period, the auditor can only perform an audit again to that Operator when a three (3) years' break take place.

An exception to the above mentioned can be given, in case the auditor is part of an audit team and this is well justified. An impartiality assessment shall be performed prior to the release of the auditor in question. This impartiality assessment shall be per audit and a confirmation of the Impartiality Committee is required.

8.2.5 Auditors-in-training may be included in the audit team as participants, provided an auditor is appointed as an evaluator. The evaluator shall be competent to take over the duties and have final responsibility for the

hiện nhiệm vụ này và có trách nhiệm đối với các hoạt động và phát hiện của chuyên gia đánh giá tập sự. 8.2.6 Trưởng đoàn đánh giá cần thảo luận với đoàn đánh giá để phân công cụ thể cho các thành viên trong đoàn về quá trình đánh giá, các chức năng, địa điểm, lĩnh vực và hoạt động đánh giá. Khi phân công trách nhiệm cần xem xét yêu cầu về năng lực và hiệu quả và hiệu suất sử dụng đoàn đánh giá, cũng như những vai trò và trách nhiệm khác nhau của chuyên gia đánh giá, chuyên gia đánh giá tập sự và các chuyên gia kỹ thuật. Có thể có những thay đổi trong phân công công việc trong quá trình đánh giá nhằm đạt được các mục tiêu đánh giá.	activities and findings of the auditor-in-training. 8.2.6 The audit team leader, in consultation with the audit team, shall assign to each team member responsibility for auditing specific processes, functions, sites, areas or activities. Such assignments shall take into account the need for competence, and the effective and efficient use of the audit team, as well as different roles and responsibilities of auditors, auditors-in-training and technical experts. Changes to the work assignments may be made as the audit progresses to ensure achievement of the audit objectives.
8.3 Đánh giá Đánh giá giai đoạn 1 8.3.1 Mục đích của đánh giá giai đoạn 1 là xem xét sự đầy đủ của tài liệu HTQL và sự sẵn sàng của khách hàng cho việc đánh giá chứng nhận giai đoạn 2. 8.3.2 Hình thức đánh giá: - Đối với đánh giá ISO 9001, FAMI-QS: có thể đánh giá tại địa điểm của tổ chức được đánh giá (khách hàng) hoặc offsite. - Đối với đánh giá ISO 22000, HACCP, GMP, FSSC 22000, ISO 14001, ISO 45001: đánh giá onsite tại địa điểm của khách hàng. 8.3.3 Trưởng đoàn đánh giá có nhiệm vụ xem xét, đánh giá các tài liệu nhận được của khách hàng và khi cần thiết xem xét tại cơ sở của khách hàng đăng ký chứng nhận. Trường hợp tài liệu của khách hàng có những điểm không phù hợp với tiêu chuẩn, Trưởng đoàn đánh giá phải có báo cáo gửi cho phòng Chứng nhận của VICB để thông báo cho khách hàng sửa đổi, bổ sung. 8.3.4 Báo cáo đánh giá giai đoạn 1 được lập và được VICB gửi cho khách hàng (qua phần mềm/ email/ thư tín); Nếu có điểm không phù hợp thì khách hàng cần phải thực hiện và gửi báo cáo hành động khắc phục về VICB trong thời hạn quy định tại báo cáo đánh giá. 8.3.5 VICB thống nhất với khách hàng về kế hoạch đánh giá giai đoạn 2. 8.3.6 Khoảng thời gian giữa đánh giá giai đoạn 1 và giai đoạn 2 của đánh giá chứng nhận không được kéo dài quá 06 tháng đối với khách hàng chứng nhận hệ thống FAMI-QS. Đánh giá giai đoạn 2 8.3.7 Đoàn đánh giá tiến hành đánh giá tại chỗ các địa điểm của khách hàng đăng ký chứng nhận theo kế hoạch đánh giá đã thống nhất. 8.3.8 Mục đích đánh giá giai đoạn 2 là nhằm	8.3. Audit Stage 1 Audit 8.3.1. Purpose of stage 1 audit is to review the sufficiency of management system documentation and the readiness of clients for stage 2 certification. 8.3.2 Type of audit: - For ISO 9001, FAMI-QS audit: can be audited at the site of the auditee (customer) or offsite. - For ISO 22000, HACCP, GMP, FSSC 22000, ISO 14001, ISO 45001: audited at the site of the auditee (customer). 8.3.3. Lead auditor takes responsibility for reviewing, auditing all documentation received from the clients and review on the clients' site, if necessary. In case that the documentation has non-conformities against the standard(s), the lead auditor shall have a report sent to The Certification department of VICB to inform the clients of modification or/and supplement. 8.3.4 Stage 1 Audit report are made and sent by VICB to customers (via software/email/letter); If there is a nonconformity, the customer needs to have a corrective action (CA) sent to VICB within the time limit specified in the audit report. 8.3.5. VICB makes agreement with the clients on the audit plan of stage 2. 8.3.6 The time between the stage 1 and stage 2 audits of the certification audit should not exceed 6 months for customers certifying the FAMI-QS system. Stage 2 audit 8.3.7. The audit team conducts an on-site audit at the sites of registered clients according to the agreed audit plan. 8.3.8. The purpose of the stage 2 audit is to assess the compliance of management system with requirements of respective standard(s) and

đánh giá sự phù hợp của HTQL đối với các yêu cầu của tiêu chuẩn tương ứng, việc thực hiện và hiệu lực của HTQL.

8.3.9 Báo cáo đánh giá bao gồm những điểm không phù hợp phát hiện trong quá trình đánh giá sẽ được đoàn đánh giá lập và gửi cho khách hàng qua LIMS. Tùy theo mức độ không phù hợp đối với tiêu chuẩn tương ứng, những điểm không phù hợp được phân thành **Critical NC** (NC nghiêm trọng), **Major NC** (NC nặng), **Minor NC** (NC nhẹ).

- Lưu ý đối với chứng nhận FAMI-QS:

+ Sự không phù hợp nhẹ (Minor NC): khi một yêu cầu của FAMI-QS Code đã được áp dụng nhưng chưa đủ bằng chứng tin cậy cho thấy nó đã được kiểm soát hoặc thực hiện một cách phù hợp, tuy nhiên chưa ảnh hưởng tới việc đạt được các kết quả dự kiến của hệ thống.

Trường hợp đánh giá chứng nhận lần đầu có NC nhẹ: Chứng chỉ sẽ chỉ được cấp khi NC đó đã được đóng. Kế hoạch thực hiện HĐKP phải được gửi về VICB trong vòng 07 ngày sau khi cuộc đánh giá kết thúc. Toàn bộ quá trình thực hiện HĐKP của khách hàng và thẩm tra HĐKP để đóng NC của VICB phải được thực hiện trong vòng 06 tuần sau khi kết thúc đánh giá.

Trường hợp đánh giá giám sát/ chứng nhận lại có NC nhẹ: hiệu lực chứng nhận chỉ được duy trì/ cấp tiếp nối khi VICB và khách hàng thống nhất được kế hoạch thực hiện HĐKP trong vòng 14 ngày sau khi kết thúc đánh giá. Các bằng chứng để xem xét đóng NC sẽ được thẩm tra bởi chuyên gia đánh giá trong lần đánh giá tiếp theo. Nếu đến lần đánh giá tiếp theo mà NC vẫn chưa được khắc phục, sẽ chuyển thành NC nặng.

+ Sự không phù hợp nặng (Major NC): là sự không phù hợp ảnh hưởng đến năng lực của hệ thống Quản lý chất lượng và an toàn thức ăn chăn nuôi để đạt được kết quả dự kiến hoặc hoàn toàn không thực hiện được các yêu cầu của FAMI-QS code. Sự không phù hợp có thể được phân loại là nghiêm trọng trong các trường hợp sau:

- Nếu có bằng chứng quan trọng dạng văn bản cho thấy không có biện pháp/ quá trình kiểm soát hiệu quả tại các bộ phận hoặc các sản phẩm/ dịch vụ không đáp ứng các yêu cầu đặc thù;

- Có nhiều hơn một sự không phù hợp nhẹ liên quan đến cùng một yêu cầu hoặc các phát hiện có thể là lỗi hệ thống thì khi đó sẽ trở thành một sự không phù hợp nặng.

Trường hợp đánh giá chứng nhận lần đầu/ chứng nhận lại có NC nặng: Chứng chỉ sẽ chỉ được cấp khi NC đó đã được đóng. Kế hoạch

the effectiveness of the management system.

8.3.9. Stage 2 audit report including Non-conformities identified during the audit will be reported and informed to customer via LIMS. Depending on level of NC for the relevant standard(s), non-conformities is classified in to Critical NC, major NC and minor NC.

- Note for FAMI-QS Certification:

+ A minor non-conformity exists when a requirement of the FAMI-QS Code has been addressed but there is insufficient evidence to demonstrate that it has been properly controlled or implemented, but does not affect the capability of the management system to achieve the intended results.

Initial certification audit with minor NC: The certificate will only be issued when the NC has been closed. The corrective action implementation plan must be sent to VICB within 07 days after the audit ends. The entire process of implementing corrective action of customer and verifying corrective action to close NC must be done within 06 weeks after the audit ends.

In case of surveillance audit/re-certification with minor NC: the certification validity will only be maintained/ continued when VICB and customer agree on a plan to carry out corrective action within 14 days after the customer sends it back to VICB. The evidence for NC closure consideration will be reviewed by the auditor at the latest in the following audit. If by the following audit, the NC is still not closed. It becomes a major non-conformity.

+ A major non-conformity is a non-conformity that affects the capability of the Feed Safety and Quality Management System to achieve the intended results or a complete failure to implement the requirements of the FAMI-QS code. Non-conformities could be classified as major in the following circumstances:

- if there is a significant documented evidence that there is no effective process control in place, or that products or services do not meet the specified requirements;

- a number of minor nonconformities associated with the same requirement or issues could demonstrate a systematic failure and thus constitute a major nonconformity.

Initial/ Re certification audit with major NC: The certificate will only be issued when the NC has been closed. The corrective action implementation plan must be sent to VICB within

thực hiện HĐKP phải được gửi về VICB trong vòng 07 ngày sau khi cuộc đánh giá kết thúc. Toàn bộ quá trình thực hiện HĐKP của khách hàng và thẩm tra HĐKP để đóng NC của VICB phải được thực hiện trong vòng 06 tuần sau khi kết thúc đánh giá.

Trường hợp đánh giá giám sát có NC nặng: hiệu lực chứng nhận chỉ được duy trì khi khách hàng gửi kế hoạch thực hiện HĐKP trong vòng 14 ngày sau ngày đánh giá cuối cùng. Các bằng chứng để xem xét đóng NC sẽ được thẩm tra trong vòng 28 ngày sau khi VICB nhận được kế hoạch thực hiện HĐKP từ khách hàng. Nếu quá thời hạn trên mà NC chưa đóng được thì VICB sẽ trao đổi, phối hợp với FAMI-QS để gia hạn. Nếu sau đó mà NC nặng vẫn chưa được đóng thì hiệu lực chứng nhận sẽ bị đình chỉ và một cuộc đánh giá đặc biệt sẽ phải được áp dụng để đóng NC này.

Nếu chứng nhận được khôi phục, thời hạn hiệu lực của chứng nhận sẽ tiếp tục theo thời hạn đã cấp trước khi bị đình chỉ.

8.3.10 Trưởng đoàn phải thông báo cho Khách hàng rằng các phát hiện đánh giá trong báo cáo chưa phải là kết quả cuối cùng. Hồ sơ đánh giá sẽ được Phòng chứng nhận tổ chức thẩm tra. Sau khi thẩm tra, Phòng chứng nhận/chuyên gia kỹ thuật có thể sẽ kiến nghị với VICB về một số vấn đề sau: Nâng mức Ob lên thành NC; Hạ mức NC xuống thành Ob; Mở một NC mới; Nâng mức NC lên thành Ma-NC; yêu cầu đánh giá bổ sung. Căn cứ vào kết quả thẩm xét, Phòng chứng nhận sẽ thông báo tới khách hàng kết quả đánh giá cuối cùng qua LIMS. Khách hàng phải thực hiện hành động khắc phục với các điểm không phù hợp được phát hiện bởi đoàn đánh giá và các yêu cầu của VICB, sau đó gửi các bằng chứng về hành động khắc phục này cho VICB trong thời hạn 60 ngày qua LIMS. Nếu khách hàng không thực hiện các hành động trong thời hạn trên thì VICB có thể gia hạn thời hạn trên thêm 30 ngày. Sau thời hạn gia hạn mà HĐKP vẫn chưa được chấp nhận thì kết quả đánh giá chứng nhận bị hủy bỏ. Khách hàng phải chịu toàn bộ chi phí cho VICB tiến hành đánh giá lại vào đợt sau.

Khách hàng chứng nhận FAMI-QS tuân thủ theo quy định tại mục 8.3.9.

8.3.11 VICB xem xét báo cáo kết quả đánh giá của đoàn đánh giá. Tùy trường hợp cụ thể VICB có thể chấp nhận những hành động khắc phục của khách hàng và kết quả đánh giá của đoàn đánh giá về những điểm chưa phù hợp hoặc có thể yêu cầu đánh giá bổ sung.

8.3.12 Báo cáo đánh giá:

07 days after the audit ends. The entire process of implementing corrective action of customer and verifying corrective action to close NC must be done within 06 weeks after the last audit date.

In case of surveillance audit with minor NC: the certification validity will only be maintained if the action plan shall be presented to VICB, in 14 calendar days at the latest after the audit date. Evidence that non-conformities have been closed will be checked 28 days after the presentation of the action plan at the latest by VICB. In case that the aforementioned time frame is not sufficient, further coordination with FAMI-QS is required. If a non-conformity is not resolved, then the certification is suspended and a special audit shall be applied for the closing of the major NCR.

If the certification is restored, the valid period of the certification shall be three years from the original renewal deadline.

8.3.10. Lead auditor shall notify the Client that findings in the audit report are not final results. Audit reports are reviewed by the Certification department/ technical expert. After reviewing, Certification department/expert may make suggestions to VICB: Make OB(s) become NC(s); Make NC(s) become OB(s), raise a new NC, make minor NC(s) to major NC(s); require additional audit. Based on results from technical expert review, Certification department will notify Client final audit results via LIMS. The client has to take corrective actions for findings raised by the audit team and the Certification department/ technical expert. and send the evidences for the implementation of corrective actions within 60 days via LIMS. If the customer fails to implement corrective actions within the set duration of time, VICB can extend to 30 days more. After such extended period of time, if corrective actions have not been taken, results of the initial audit will be cancel. The customer shall pay full fees for the next audit.

FAMI-QS certified clients: see 8.3.9 clause.

8.3.11. VICB will review the audit report of the audit team and corrective actions of the customer. Depending on each specified situation, VICB can accept corrective actions of the customer and audit report on non-conformities or request a supplementary audit.

8.3.12 Audit report:

- Ngôn ngữ sử dụng: tiếng việt (ngoại trừ các trường hợp yêu cầu đặc biệt từ phía khách hàng và phải được ghi nhận trong hợp đồng chứng nhận). - Báo cáo đánh giá sẽ được thực hiện ghi nhận trực tiếp trên phần mềm LIMS, hoàn thành và chuyển tới khách hàng ngay sau khi kết thúc đánh giá thông qua phần mềm (có thể gửi thêm đường link truy cập qua email theo yêu cầu của khách hàng nếu cần). Mục này không áp dụng với các khách hàng chứng nhận FAMI-QS. - Đối với các khách hàng chứng nhận FAMI-QS: Báo cáo đánh giá tóm tắt và các phát hiện đánh giá bằng tiếng Anh sẽ được gửi tới FAMI-QS và khách hàng cùng với các tài liệu đánh giá khác (bao gồm cả các cuộc đánh giá không báo trước, đánh giá đặc biệt khác) thông qua nền tảng quản lý tài liệu đánh giá của FAMI-QS. Quá trình trao đổi thông tin được bảo đảm về tính bảo mật.	- Language used: Vietnamese (except for special requests from customers and must be recorded in the certification contract). - The Audit report will be recorded directly on Lims software, completed and sent to the customer right after the audit is completed through the software (can send an additional link to access via email at the request of clients if necessary). This section does not apply to FAMI-QS certified clients. - FAMI-QS certified clients: A summary assessment report and audit findings in English will be sent to FAMI-QS and the clients along with other audit documentation (including documentation related to unannounced audits, other special audit) shall be provided exclusively through the FAMI-QS audit documentation platform. The process of exchanging information is guaranteed in terms of confidentiality.
8.4 Quyết định chứng nhận 8.4.1 Dựa trên kết quả thẩm tra hồ sơ đánh giá và kiến nghị của Phòng chứng nhận trên LIMS theo F0-10-12, Giám đốc (người có năng lực theo V01-07 và không tiến hành đánh giá) ra quyết định về việc chứng nhận: - Cấp chứng chỉ cho khách hàng: Phòng Chứng nhận thông báo kết quả đánh giá cho khách hàng qua LIMS và dự thảo quyết định cấp chứng chỉ và chứng chỉ trên LIMS chuyển cho khách hàng xác nhận tính chính xác của nội dung chứng chỉ qua phần mềm/ email/ zalo. Sau khi khách hàng xác nhận nội dung chứng chỉ, Phòng Chứng nhận soạn thảo quyết định cấp chứng chỉ và chứng chỉ trên LIMS trình Giám đốc ký ban hành theo các biểu mẫu quy định tại mục 8.4.2 của quy định này và các quy trình chứng nhận tương ứng. Hiệu lực chứng chỉ là 3 năm. - Đối với khách hàng chứng nhận hệ thống FAMI-QS, phải có sự chấp thuận phê duyệt cấp chứng chỉ của tổ chức FAMI-QS (thông qua phần mềm quản lý của FAMI-QS) trước khi trình GĐCN ký ban hành. Mọi sự thay đổi liên quan đến thông tin chứng chỉ và các tài liệu liên quan khách hàng phải thông báo ngay lập tức tới VICB, VICB sẽ thông báo tới FAMI-QS, bao gồm tối thiểu các thông tin sau: a) tính pháp lý, thương mại, chủ sở hữu; b) có thay đổi trong quản lý và vận hành tổ chức; c) địa chỉ liên lạc và địa điểm sản xuất; d) phạm vi chứng nhận; e) những thay đổi chính trong hệ thống quản	8.4. Decision on certification 8.4.1. Based on audit report and suggestions of the Certification Department on LIMS according to F00-10-12, Certification Director (the persons have appropriate competence as V01-07 and different from those who carried out the audits) comes to decision on certification: - Providing certification for clients: Certification department shall inform assessment results to clients via LIMS and granting certificate draft and certificate on LIMS, delivered to the customer confirming the accuracy of the certificate content via software/email/zalo. After the contents of certification confirmed, PCN shall compose certificate decision and certificate on LIMS submit to the Certification Director for signing and issuing according to regulation at section 8.4.2 and certification procedure respectively. Certificates valid for 3 years. - FAMI-QS certified clients: it is required to obtain the approval of the FAMI-QS organization for certification approval (through the management software of FAMI-QS) before submitting to the GDCN for signing and promulgation. Any changes related to certificate information and related documents, customers must immediately notify VICB, VICB will notify FAMI-QS, including at least the following information: a) legality, commercial, owner; b) there is a change in the management and operation of the organization; c) contact address and place of production; d) scope of certification;

lý các quá trình sản xuất/ thương mại; f) các chính sách liên quan đến an toàn sản phẩm; g) các sự thay đổi khác có khả năng có ảnh hưởng tới hệ thống quản lý an toàn thức ăn chăn nuôi. h) các trường hợp bất lợi khác như thu hồi sản phẩm <i>Lưu ý: Nếu thay đổi các thông tin mục a, b, c, d nói trên khách hàng cần được FAMI-QS phê duyệt lại phiên bản mới cho thư chấp thuận và chuyển lại cho VICB kèm với yêu cầu cấp đổi.</i> - Không cấp chứng chỉ cho khách hàng: PCN thông báo cho khách hàng về việc không cấp chứng chỉ và có nêu rõ lý do trong LIMS. - Kiến nghị khác: Giám đốc xem xét các kiến nghị của Phòng chứng nhận/chuyên gia và ra quyết định về các kiến nghị. PCN căn cứ quyết định của GĐCN và thông báo cho khách hàng qua LIMS. 8.4.2 Chứng chỉ cấp cho Khách hàng sẽ ghi rõ phạm vi được chứng nhận, thời hạn hiệu lực và số hiệu của chứng chỉ (F01-02-02A chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng (HTQL CL)), (F01-02-02B chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (HTQL ATTP)), (F01-02-02C chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý FSSC), (F01-02-02D chứng chỉ chứng nhận HACCP/TCVN 5603), (F01-02-02E chứng chỉ chứng nhận GMP/TCVN 5603), (F01-02-02F chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý môi trường (HT QLMT)), (F01-02-02G chứng chỉ chứng nhận hệ thống quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp (HTQL AT&SKNN)). 8.4.3 VICB lập 01 bộ hồ sơ chứng nhận gửi khách hàng gồm: 02 chứng chỉ bản gốc; 01 quyết định cấp chứng chỉ; 01 file hướng dẫn sử dụng dấu chứng nhận. Hướng dẫn sử dụng dấu chứng nhận được gửi qua email/LIMS cho KH và đóng dấu treo gửi kèm chứng chỉ/ giấy chứng nhận cho KH). Trước khi gửi hồ sơ chứng nhận cho Khách hàng, VinaCert scan Chứng chỉ, Quyết định chứng nhận lưu trong máy chủ/icloud của Phòng chứng nhận mà không phải lưu hồ sơ giấy. Nếu khách hàng yêu cầu VICB sẽ tổ chức trao chứng chỉ cho khách hàng. Lưu ý: Cấp chứng chỉ ISO 22000 có phạm vi chứng nhận theo từng category tương ứng của phụ lục A ISO/TS 22003:2013/ISO 22003-1:2022; FAMI-QS theo từng hoặc các category tương ứng DI, K, FI, FII.	e) major changes in the management system of production/commercial processes; f) policies related to product safety; g) other changes potentially affecting the feed safety management system. h) other adverse circumstances such as product recalls <i>Note: If changing the information in items a, b, c, d mentioned above, customer needs to be re-approved by FAMI-QS for a new version of the approval letter and return it to VICB with the request for replacement.</i> - Not providing certification for clients: Certification department shall inform to clients of not granting certificate and specify reasons under on LIMS. - Other recommendations: Certification Director reviews recommendations from and reaches decisions. PCN shall rely on Certification Director's final decision to make known to clients via LIMS. 8.4.2. Certificate issued to the customer shall indicate the scope of certification, expiry date of the certificate and No. of certificate (F01-02-02A – QMS Certificate); F01-02-02B – FSMS Certificate; F01-02-02C – FSSC Certificate, F01-02-02D- HACCP/TCVN 5603 certificate, F01-02-02E GMP/TCVN 5603 Certificate, F01-02-02F - EMS Certificate, F01-02-02G - OHSMS Certificate, F01-02-02H FAMI-QS certificate. 8.4.3. VICB make documents of certification to the customer. Documents include: 02 original certificates, 01 Decision of issuance, 01 file regulation for using certification marks. Instructions for using the certification mark are emailed to the customer via email/LIMS and stamp attached to the certificate to the customer). Before sending the certification file to the Client, VinaCert scans the Certificate, the Certification Decision is stored in the server/icloud of the Certification Department without having to save the paper file. VICB will hold an award ceremony for the customer if the customer makes a request. <i>Note: The ISO 22000 certificate include in detail scope referring to categories and subcategories of Annex A ISO/TS 22003:2013/ISO 22003-1:2022; FAMI-QS referring to categories DI, K, FI, FII.</i>
9. Duy trì hiệu lực chứng nhận 9.1 Giám sát định kỳ HTQL:	9. Maintenance of certification 9.1. Regular MS surveillance audit

- Khách hàng được chứng nhận phải duy trì việc thực hiện HTQL và duy trì việc chứng nhận trong suốt thời gian hiệu lực của chứng chỉ, tần suất giám sát như mục 7 của quy định này.

- Trong thời gian hiệu lực của chứng chỉ, khách hàng phải tuân thủ đầy đủ các quy định về đánh giá giám sát định kỳ của VICB.

Với chứng nhận HTQL 9001, 22000, 14001, HACCP/GMP, FSSC, v.v., (ngoại trừ FAMI-QS): Giám sát lần đầu trong vòng 12 tháng tính từ ngày ra quyết định chứng nhận. Giám sát lần hai thông thường trong vòng 24 tháng tính từ ngày đánh giá chứng nhận (bỏ trí cuộc đánh giá giám sát lần 2 theo đảm bảo mỗi năm phải giám sát ít nhất một lần trừ năm chứng nhận lại).

Với chứng nhận FAMI-QS: Giám sát lần đầu trong vòng 12 tháng từ sau ngày đánh giá chứng nhận lần đầu; Giám sát lần 2 khoảng 24 tháng sau ngày đánh giá chứng nhận lần đầu. Các hoạt động đánh giá giám sát (bao gồm cả trì hoãn thời gian đánh giá giám sát theo đề nghị của khách hàng) sẽ được VICB thông báo (tên công ty, địa điểm, chuyên gia, ngày đánh giá) và trao đổi với FAMI-QS trước khi chấp nhận.

Sau mỗi đợt giám sát, HTQL của khách hàng sẽ được chấp nhận duy trì bằng thông báo trên LIMS (theo F01-02-01D) nếu HTQL đáp ứng các yêu cầu đã nêu.

Trong trường hợp khách hàng đưa ra đề nghị trì hoãn đánh giá giám sát và kèm các bằng chứng chứng minh và đảm bảo hệ thống quản lý vẫn đang được duy trì theo yêu cầu của tiêu chuẩn, VICB sẽ xem xét đề nghị trì hoãn của khách hàng và trả lời bằng văn bản hoặc email tới khách hàng về việc chấp nhận trì hoãn không quá 60 ngày so với ngày quy định giám sát (đối với chứng nhận FAMI-QS, VICB cần trao đổi thông tin với Ban thư ký FAMI-QS thống nhất trước khi ra thông báo tới khách hàng).

Mọi trao đổi, thông báo với khách hàng được thực hiện qua LIMS/email.

9.2 Đánh giá đột xuất, đánh giá không báo trước, mở rộng, thu hẹp phạm vi HTQL:

9.2.1 Đánh giá đột xuất:

- Cuộc đánh giá đột xuất được tiến hành khi: Có sự phản ánh, khiếu nại của khách hàng hoặc các bên liên quan đến lĩnh vực hoạt động HTQL đã được chứng nhận; hoặc khi VICB có quyết định

- Certified customers shall maintain the implementation of MS and maintenance of certification during the valid period of the certificates with the frequency of surveillance as specified in section 7 of this document.

- During the period of validity, the customer shall fully comply regulations on regular surveillance audits of VICB.

With the certification of the Management System of Management System 9001, 22000, 14001, HACCP/GMP, FSSC, etc., (except FAMI-QS): Surveillance for the first time within 12 months from the date of issuing the certification decision. The second surveillance is normally within 24 months from the date of the certification audit (arrange the second surveillance audit according to the assurance that there must be at least one monitoring per year except the year of re-certification).

With FAMI-QS certification: GS for the first time within 12 months from the date of the first certification audit; The second GS is about 24 months after the date of the first certification audit. Surveillance audit activities (including delaying the monitoring audit time at the request of the customer) will be notified by VICB (company name, location, experts, audit date) and discussed with FAMI-QS before acceptance.

After each surveillance audit, the management system of customer will be accepted and maintained by announcements on LIMS (F01-02-01D) if the management system of the customer meets requirements as specified.

In case clients request to postpone the surveillance and attach evidences showing that management system is maintained and conformance with standard, VICB shall review the postpone request and reply them with official documentary information or email. The time of postpone is no longer than 60 days after scheduled surveillance (for FAMI-QS certification, VICB needs to exchange information with the FAMI-QS Secretariat before making a notice to customers).

All communication and notification with customers is done via LIMS/email.

9.2. Short-notice, Unannounced, expansion and reduction of scope audit:

9.2.1 Short-notice audit:

- Short notice audit shall be conducted when: There are complaints, appeals of customer or departments relevant to certified field of management system activity; or when VICB

khôi phục hiệu lực chứng nhận của khách hàng đã bị đình chỉ trước đó; hoặc theo yêu cầu của các bên có thẩm quyền; hoặc ứng phó với sự cố hoặc khủng hoảng về an toàn thức ăn chăn nuôi tại địa điểm của khách hàng. Trong trường hợp này:

a) VICB sẽ mô tả và báo trước cho khách hàng chứng nhận các điều kiện tiến hành các cuộc đánh giá đột xuất (đối với chứng nhận FAMI-QS: báo trước 72 giờ).

b) VICB sẽ quan tâm thêm trong việc phân công nhóm đánh giá do không có cơ hội cho khách hàng thay đổi thành viên nhóm đánh giá.

c) Đối với chứng nhận FAMI-QS sẽ áp dụng bổ sung thêm các nội dung sau:

- + VICB sẽ thông báo cho FAMI-QS về kết quả đánh giá.
- + Trong trường hợp xảy ra sự cố, Quy trình quản lý sự cố nguồn cấp dữ liệu P-CM-001 dành cho người vận hành và tổ chức chứng nhận phiên bản hiện tại sẽ được áp dụng
- + Một cuộc đánh giá đột xuất, có thể là yêu cầu của FAMI-QS.

- Chi phí của cuộc đánh giá đột xuất sẽ do khách hàng được chứng nhận chi trả.

9.2.2 Đánh giá không báo trước (chỉ áp dụng đối với khách hàng chứng nhận FAMI-QS): bắt buộc có ít nhất 01 cuộc đánh giá không báo trước theo quy định tại mục 7.3 của tài liệu này trong một chu kỳ chứng nhận. Trong trường hợp này:

- Các điều kiện cho việc tiến hành các cuộc đánh giá không báo trước sẽ được thỏa thuận giữa VICB và khách hàng. Các thỏa thuận về cuộc đánh giá này cần được ghi nhận trong hợp đồng. Khách hàng phải thông báo cho VICB về việc đóng cửa bảo trì theo lịch trình của công ty để đảm bảo việc bố trí cuộc đánh giá không báo trước của VICB được thuận tiện.

- Các vấn đề cần được xem xét trong cuộc đánh giá không báo trước bao gồm:

(i) đối với hoạt động sản xuất (phải bao gồm tất cả hoặc kết hợp các nội dung dưới đây):

- + Giám sát CCP;
- + Kiểm tra mặt bằng, cơ sở vật chất (bên trong – bên ngoài);
- + Quan sát việc thực hiện nhiệm vụ của nhân viên theo các tài liệu đã hoạch định;
- + Quản lý khủng hoảng.

(ii) đối với hoạt động Thương mại (phải bao gồm tất cả hoặc kết hợp các nội dung dưới đây):

- + Đánh giá của nhà cung cấp;

makes a decision on recovery of the certificate of the customer who was suspended before, or in accordance with competent parties or respond to a feed safety incident or crisis at a customer's location. In such cases:

a) VICB shall describe and make known in advance to the certified clients the conditions under which these short notice visits are to be conducted.

b) VICB shall exercise additional care in the assignment of the audit team because of the lack of opportunity for the client to object to audit team members.

c) For FAMI-QS certification, the following additional contents will be applied:

- + VICB will notify FAMI-QS of the audit results.
- + In the event of an incident, the P-CM-001 Feed Incident Management Procedure for Operators and Current Version Certification Bodies will be applied
- + Short notice audit, which may be initiated upon request by FAMI-QS.

- The cost of the assessment will be pay by auditee.

9.2.2 Un-announced Audit (applicable to FAMI-QS certified clients): required to have at least 01 unannounced audit as specified in section 7.3 of this document within a certification cycle. In such cases:

- The conditions for the provision of the unannounced audits shall be agreed on between VICB and the FAMI-QS certified Operator and shall be part of the contract.

Operators shall inform the Certification Body regarding any scheduled maintenance closure of the company.

- There are a number of topics that should be covered during an unannounced audit:

(i) For production activity (should cover all or a combination of the below areas):

- + Monitoring of CCP;
- + Inspection of the premises (internal – external);
- + Observation if the employees perform their tasks according to the written procedure;
- + Crisis Management.

(ii) For trading activity (should cover all or a combination of the below areas):

- + Suppliers' evaluation;
- + Purchase orders and specs;
- + Certificates of analysis (shall be checked per purchase order);

+ Đơn đặt hàng và thông số kỹ thuật; + Các CA (được kiểm tra theo đơn đặt hàng); + Khả năng truy xuất nguồn gốc; + Quản lý khủng hoảng. 9.2.3 Đánh giá mở rộng, thu hẹp phạm vi HTQL: - Trong thời gian hiệu lực của chứng chỉ, nếu khách hàng được chứng nhận có những thay đổi lớn về: tình trạng pháp lý, thương mại, tổ chức hoặc quyền sở hữu; địa điểm; cơ cấu tổ chức và quản lý; đại diện lãnh đạo; mở rộng/thu hẹp khu vực hoạt động, sản phẩm/dịch vụ; số lượng nhân viên (trên 30 %); các thay đổi chính đối với HTQL và các quy trình; các nguồn lực có tác động quan trọng đến HTQL và cập nhật tiêu chuẩn thì phải thông báo kịp thời bằng văn bản cho VICB để VICB tiến hành đánh giá mở rộng/thu hẹp phạm vi chứng nhận. - Tùy mức độ thay đổi về HTQL, VICB sẽ thỏa thuận với khách hàng về việc tiến hành đánh giá giám sát mở rộng/ thu hẹp. Phạm vi được mở rộng, thu hẹp phải được xem xét và khẳng định phù hợp với tiêu chuẩn Khách hàng đề nghị. - Mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc đánh giá mở rộng/ thu hẹp/đột xuất sẽ do khách hàng chi trả. - Khi cấp chứng chỉ mở rộng phạm vi, cấp đổi thì ngày hiệu lực của chứng chỉ mới là ngày hiệu lực của chứng chỉ đã được cấp trước trong chu kỳ đó.	+ Traceability; + Crisis management. 9.2.3 Expansion and Reduction of scope audit: - During the time of validity, if the certified customer has major changes in the legal, commercial, organizational status or ownership, location (contact address and sites), organizational structure and management, management representative, expansion/reduction of activity area, product/ service, number of staff (more than 30%); major changes to the management system and processes; resources affecting the standard..., it is required to inform without delay VICB so that VICB conduct expended/reduced audit scope of certification. - Depending on the level of changes in the management system, VICB will make agreement with the customer on surveillance expanded/reduced audit. Scope of certification expanded/reduced shall be reviewed and confirmed to be suitable with standard requested by the customer. - All cost arising relating to expanded/reduced/unannounced audit shall be paid by the customer. - The effective date of expanding, exchanging certification decision shall be the effective date of latest decision in the same cycle.
10. Đình chỉ/ hủy bỏ chứng nhận 10.1 Đình chỉ hiệu lực chứng nhận: - Đình chỉ hiệu lực chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn là việc VICB ra quyết định đình chỉ có thời hạn việc sử dụng chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn/quy chuẩn đối với Khách hàng được chứng nhận (F01-02-01B). - Hiệu lực của chứng chỉ bị đình chỉ trong các trường hợp sau: + Hệ thống quản lý được chứng nhận của khách hàng không thỏa mãn một cách liên tục hoặc nghiêm trọng các yêu cầu chứng nhận, bao gồm cả các yêu cầu về hiệu lực của hệ thống quản lý. + Khách hàng được chứng nhận tự nguyện xin đình chỉ. + Khách hàng sử dụng chứng chỉ hoặc dấu chứng nhận, thông tin chứng nhận của VICB trái với quy định. + Khách hàng không bố trí đánh giá giám sát định kỳ/ đánh giá không báo trước như đã quy định. + Khách hàng không thực hiện khắc phục các điểm không phù hợp đã được phát hiện theo quy định.	10. Suspension/ cancelation of certification 10.1 Suspension of certification - Suspension is that VICB makes a decision on suspension of certified customer's certificate (F01-02-01B). - Validity of certificate is suspended in the following cases: + the client's certified management system has persistently or seriously failed to meet certification requirements, including requirements for the effectiveness of the management system, + The certified client has voluntarily requested a suspension. + Customer uses the certificate or the certification mark, certification information of VICB incorrectly to the regulations specified. + Customers do not arrange periodic surveillance audit / unannounced audit as regulations. + Customer fails to implement corrective actions for non-conformities identified as regulations. + Customer does not make full payment for certification fees as per agreement. - For certification of non-FAMI-QS systems: The maximum suspension period is 60 days from the date of issuance of the suspension decision until

+ Khách hàng không trả đầy đủ phí chứng nhận theo thỏa thuận.

- Đối với chứng nhận các hệ thống không phải - FAMI-QS: Thời gian đình chỉ tối đa là 60 ngày kể từ khi ban hành quyết định đình chỉ cho đến khi VICB nhận được các hành động khắc phục phù hợp. Nếu trong thời gian 60 ngày KH có báo cáo HĐKP phù hợp thì chứng chỉ sẽ được khôi phục hiệu lực. Nếu quá 60 ngày khách hàng không có các hành động khắc phục phù hợp thì chứng chỉ sẽ bị hủy bỏ hiệu lực vĩnh viễn.

- Đối với chứng nhận hệ thống FAMI-QS: thời gian tối đa cho việc đình chỉ hiệu lực chứng nhận là 03 tháng. Khách hàng chỉ được khôi phục hiệu lực chứng nhận nếu hoàn thành việc thực hiện các nội dung VICB yêu cầu trước khi kết thúc thời hạn 03 tháng. Hết thời hạn đình chỉ (quá 03 tháng), chứng chỉ sẽ bị hủy bỏ hiệu lực vĩnh viễn, cuộc đánh giá tiếp theo phải được thực hiện như 1 cuộc đánh giá chứng nhận. Khi đình chỉ hiệu lực chứng nhận, VICB sẽ phải lập tức cập nhật các thông tin liên quan tới FAMI-QS (tên công ty, số hiệu chứng chỉ, lý do đình chỉ, thời hạn đình chỉ, nội dung khách hàng cần làm để chấm dứt tình trạng đình chỉ và khôi phục hiệu lực chứng nhận).

10.2 Hủy bỏ chứng nhận

- Hủy bỏ chứng nhận là việc VICB ra quyết định hủy bỏ hồ sơ, thông tin chứng nhận đã cấp cho khách hàng và chấm dứt hiệu lực của chứng nhận (F01-02-01C).

- Việc hủy bỏ chứng nhận được thực hiện trong các trường hợp sau:

- + HTQL của khách hàng không đáp ứng/vi phạm nghiêm trọng các yêu cầu của tiêu chuẩn.
- + HTQL của khách hàng không duy trì hiệu lực (không có hành động khắc phục (HĐKP) đúng thời hạn sau khi đã bị đình chỉ hiệu lực chứng chỉ).
- + Có khiếu nại nghiêm trọng từ cá nhân, tổ chức sử dụng sản phẩm/dịch vụ của khách hàng (không tuân thủ các yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền liên quan).
- + Quá thời hạn đình chỉ nhưng chưa hoàn thành các nội dung VICB yêu cầu khách hàng thực hiện để chấm dứt tình trạng đình chỉ.
- + Khách hàng tự nguyện xin hủy bỏ chứng nhận.

10.3 Việc đình chỉ và hủy bỏ chứng chỉ sẽ được VICB thông báo lên website của Công ty: <http://www.vinacert.vn> và VICB sẽ thực hiện các biện pháp thích hợp khác.

VICB receives appropriate corrective actions. If within 60 days the customer has a suitable corrective action report, the certificate will be reinstated. If within 60 days, the customer doesn't take a suitable corrective action report, the certificate will be cancel forever.

- For FAMI-QS system certification: the maximum time for the suspension of certification validity is 03 months. Customers can only restore the validity of the certification if they complete the implementation of the contents requested by VICB before the end of the period of 03 months. At the end of the suspension period (more than 3 months), the certificate will be cancel forever, the next audit must be conducted as a certification audit. When suspending certification, VICB will have to immediately update information related to FAMI-QS (company name, certificate number, reason for suspension, suspension period, what customers need to do. to end the suspension and restore the validity of the certificate).

10.2. Cancellation of certification

- Cancellation of certificate means that VICB makes a decision on cancel of the certification and terminates validity of the certificate.

- Cancellation of certification is done in the following cases:

- + The management system of the customer fails to meet/ serious violation the requirements of the standard(s).
- + The management system of the customer fails to maintain effectiveness (without any corrective actions on time after certificate suspended).
- + There is serious complaint from individuals or organizations using the customer's service/product (fails to comply with requirements of relevant competent authorizations).
- + Past the suspension period but has not completed the contents VICB requests customers to do to end the suspension.
- + The customer voluntarily requests to cancelation the certification.

10.3. Suspension and cancelation of the certificate will be published on the website of VICB <http://www.vinacert.vn> and VICB shall take any other measures it deems appropriate.

- Upon request by any party, VICB shall correctly state the status of certification of a client's management system as being suspended, cancelation or reduced.

10.4 When the certification is suspended, cancelled or expired, the customer must stop

- Theo yêu cầu của bên bất kỳ, VICB sẽ tuyên bố chính xác về tình trạng chứng nhận hệ thống quản lý của khách hàng là đang bị đình chỉ, hủy bỏ hoặc thu hẹp phạm vi.

10.4 Khi bị đình chỉ, hủy bỏ hoặc hết hiệu lực của chứng nhận, khách hàng phải ngừng sử dụng tất cả các tài liệu quảng cáo và tài liệu viện dẫn có chứa tham chiếu tới chứng nhận và thực hiện các hành động phù hợp với chương trình chứng nhận và các hành động được yêu cầu khác.

- Đối với các khách hàng chứng nhận hệ thống FAMI-QS, trong thời gian đình chỉ/ hủy bỏ, thông tin của khách hàng sẽ bị đưa ra khỏi danh mục các tổ chức được chứng nhận của tổ chức FAMI-QS; khi hủy bỏ hiệu lực chứng nhận thì tổ chức FAMI-QS sẽ gửi thông tin này tới các khách hàng khác trong hệ thống của FAMI-QS và được thông báo công khai trên website của FAMI-QS.

11. Chứng nhận lại

- Cuộc đánh giá chứng nhận lại là để xác nhận sự phù hợp liên tục và hiệu lực của toàn bộ hệ thống quản lý, cũng như tính thích hợp liên tục và khả năng áp dụng đối với phạm vi chứng nhận /

- Cuộc đánh giá chứng nhận lại được hoạch định và tiến hành đúng kỳ hạn để xem xét đánh giá sự đáp ứng liên tục tất cả các yêu cầu tiêu chuẩn và các tài liệu quy định khác có liên quan về hệ thống quản lý, để cấp chứng nhận lại kịp thời trước khi hết hạn chứng nhận.

- Trước khi hiệu lực của chứng chỉ hết hạn, VICB thỏa thuận với khách hàng hợp đồng tái đánh giá chứng nhận và tiến hành đánh giá chứng nhận (có thể bỏ qua giai đoạn đánh giá giai đoạn 1 nếu HTQL không có thay đổi đáng kể). Các bước tiến hành như đánh giá chứng nhận lần đầu).

- Cuộc đánh giá chứng nhận lại thông thường được thực hiện vào ngày đánh giá chứng nhận của lần chứng nhận trước và trước ít nhất 3 tháng so với ngày hết hiệu lực của chứng chỉ.

- Cuộc đánh giá chứng nhận lại phải xem xét việc vận hành HTQL tại thời điểm chứng nhận, bao gồm việc xem xét các báo cáo của cuộc đánh giá giám sát trước: tính hiệu lực của toàn bộ hệ thống, kể cả các thay đổi nội bộ và bên ngoài cũng như khả năng áp dụng đối với phạm vi chứng nhận; cam kết duy trì hiệu lực và cải tiến hệ thống quản lý; việc vận hành HTQL đã được chứng nhận để đạt được chính sách và mục tiêu của tổ chức.

- Với mọi sự không phù hợp nặng, sự khắc phục và hành động khắc phục phải được thực hiện, kiểm tra xác nhận trước khi hết hạn chứng nhận/

- VICB đưa ra quyết định về việc cấp mới chứng

using advertising materials and others reference documents that contain reference to the certification and takes actions required by the certification scheme and other required actions.

- For customers certifying the FAMI-QS system, during the period of suspension/ cancelation, customer information will be removed from the list of certified organizations of the FAMI-QS organization; when the certification is invalidated, the FAMI-QS organization will send this information to other customers in the FAMI-QS system and publicly announce it on the FAMI-QS website.

11. Re-certification

- The recertification audit is to confirm the continued conformity and effectiveness of the management system as a whole, and its continued relevance and applicability for the scope of certification.

- Re-certification shall be planned and implemented in due time, to review and evaluate the continued fulfilment of all of the requirement of the relevant management system standard of other normative document, to enable for timely renewal before the certificate expiry date.

- Before the certificate will be expired, VICB agrees with customer to enter the contract of recertification (may be ignore stage 1 audit if management system no significant change). All steps for certification shall be conducted as in the initial certification audit).

- Recertification is normally conducted on the date of previous initial audit and at least 3 month prior to expiry date of the certificate.

- Reaudit must review operating of management system, include reviewing last assesment audit report, effectiveness of management system, including internal/external change, as ability apply for certification scope; commitment to maintain the effectiveness and improvement of management system; opertating management system so that achieve policy and objective of organisation.

- For any major nonconformity, correction and corrective actions must be implemented and verified prior to the expiration of certification.

- VICB shall make decisions on renewing certification based on the results of the recertification audit, as well as the results of the review of the system over the period of certification and complaints received from users of certification.

- When the recertification activities are successfully completed prior to the expiry date of the existing

nhận dựa trên các kết quả đánh giá chứng nhận lại cũng như các kết quả xem xét hệ thống trong quá trình chứng nhận và các khiếu nại từ phía người sử dụng chứng nhận.

- Khi hoạt động chứng nhận lại được hoàn thành trước thời hạn của chứng nhận hiện thời, thì ngày hết hạn của chứng nhận mới có thể dựa trên ngày hết hạn của chứng nhận hiện thời. Ngày cấp chứng chỉ mới phải đúng hoặc sau ngày quyết định chứng nhận lại.

- Khi hoạt động đánh giá chứng nhận lại chưa được hoàn thành hoặc không thể kiểm tra xác nhận việc thực hiện khắc phục và hành động khắc phục đối với mọi sự không phù hợp năng trước thời hạn của chứng nhận thì không được chứng nhận lại và không được gia hạn hiệu lực của chứng nhận cũ. Phải thông báo cho khách hàng kết quả của việc chứng nhận lại kèm theo diễn giải việc này.

- Sau ngày hết hạn trên chứng chỉ, Chứng chỉ có thể được khôi phục trong vòng 6 tháng với điều kiện hoạt động chứng nhận lại đã hoàn thành hoặc ít nhất đánh giá giai đoạn 2 đã được thực hiện trước ngày hết hạn của chứng chỉ. Ngày hiệu lực của chứng chỉ phải đúng hoặc sau ngày quyết định chứng nhận lại và ngày hết hạn phải dựa trên chu kỳ chứng nhận trước đó.

- Với chứng nhận FAMI-QS áp dụng bổ sung: nếu cuộc đánh giá chứng nhận lại không thực hiện được trước thời điểm hết hạn của chứng chỉ thì được coi là đã bị gián đoạn sự duy trì liên tục, do vậy thông tin về ngày chứng nhận lần đầu sẽ là ngày cấp chứng nhận của chu kỳ này (thay cho ngày chứng nhận lần đầu của chu kỳ đầu tiên).

12. Sử dụng dấu chứng nhận của VICB

12.1. Khách hàng đã được VICB chứng nhận có quyền sử dụng dấu chứng nhận của VICB:

Khách hàng có Hệ thống quản lý đã được VICB chứng nhận có quyền sử dụng logo của VICB kèm theo hình dạng, ký hiệu của tiêu chuẩn tương ứng như hình dưới đây. Những tài liệu chứng nhận đã ban hành có viện dẫn đến Quy định về sử dụng dấu chứng nhận (V01-09-Rev: 01; 09/2018) trước thời điểm Quy định chung về chứng nhận HTQL (V01-02-Rev: 05; 10/2021) có hiệu lực thì vẫn có giá trị cho đến khi hết hiệu lực của chứng chỉ.

certification, the expiry date of the new certification can be based on the expiry date of the existing certification. The issue date on a new certificate shall be on or after the recertification decision.

- If the recertification audit has not completed or unable to verify the implementation of corrections and corrective actions for any major nonconformity prior to the expiry date of the certification, then recertification shall not be recommended and the validity of the certification shall not be extended. The client shall be informed and consequences shall be explained.

- After the expiration date on the certificate, the Certificate can be reinstated within 6 months provided the recertification operation has been completed or at least stage 2 audit has been performed prior to the certificate's expiration date. The effective date on the certificate shall be on or after the recertification decision and the expiry date shall be based on prior certification cycle.

- With additional applicable FAMI-QS certification: if the re-certification audit is not carried out before the expiration of the certificate, it is considered to have interrupted continuity, so information about the first certification date will be the certification date of this cycle (instead of the initial certification date of the first cycle).

12. Using the certification mark of VICB

12.1 Clients certified by VICB are entitled to use certification mark of VICB:

The client have management system that has been certified by VICB has the right to use VICB's logo together with the shape and symbol of the corresponding standard as shown below. Certification documents quote to the regulation for using certification marks, accredited marks (V01-09-Rev: 01; 09/2018) before the date of General Regulations on certification of management systems (V01-02) -Rev: 05; 10/2021) is valid until the certificate expires.

Dấu chứng nhận/ Certification marks

               	Dấu chứng nhận HTQL - Sử dụng dấu chứng nhận này theo tỷ lệ tương ứng rộng/dài = 2/8 trên chứng chỉ ISO 9001; ISO 22000; ISO 14001 đối với các phạm vi được công nhận - Chi tiết theo F01-02-03A, F01-02-03B, F01-02-03F	Certification marks for MS: - This logo is used with the width/length ratio of 2/8 on ISO 9001; ISO 22000; ISO 14001 certification certificates for the scope of accreditation. - Detail follow as F01-02-03A, F01-02-03B, F01-02-03F
--	---	--

Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm (cho phạm vi không dùng dấu công nhận)/ Certification marks for FSMS (scopes not use accredited mark)

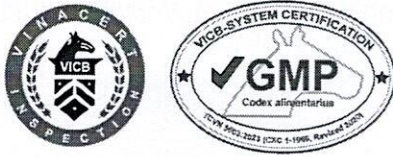
   	Sử dụng dấu chứng nhận này theo tỷ lệ tương ứng rộng/dài = 2/6 trên chứng chỉ ISO 22000. Chi tiết theo F01-02-03B	This logo is used with the width/length ratio of 2/6 on ISO 22000 certification certificates. Detail follow as F01-02-03B
--	---	---

Hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm kiểm soát tới hạn (HACCP)/ Certification mark for Hazard Analysis and Critical Control Points (HACCP)

   	Sử dụng dấu chứng nhận này theo tỷ lệ tương ứng rộng/dài = 2/6 trên chứng chỉ HACCP Chi tiết theo F01-02-03D	This logo is used with the width/length ratio of 2/6 on HACCP certification certificates. Detail follow as F01-02-03D
--	--	---

Dấu chứng nhận FSSC/ FSSC Certification mark

 	Sử dụng dấu chứng nhận này theo tỷ lệ tương ứng rộng/dài = 2/6 trên chứng chỉ FSSC Chi tiết theo F01-02-03C	This logo is used with the width/length ratio of 2/6 on FSSC certification certificates. Detail follow as F01-02-03C
---	---	--

Dấu chứng nhận ISO 45001/ISO 45001 Certification mark		
		Sử dụng dấu chứng nhận này theo tỷ lệ tương ứng rộng/dài = 2/6 trên chứng chỉ ISO 45001 Chi tiết theo F01-02-03G
This logo is used with the width/length ratio of 2/6 on ISO 45001 certificates. Detail follow as F01-02-03G		
Hệ thống thực hành sản xuất tốt phù hợp tiêu chuẩn GMP - CODEX ALIMENTARIUS (TCVN 5603:2023 - (CXC 1-1969, REV.5 - 2020))/ Certification mark for good manufacturing practice GMP - CODEX ALIMENTARIUS(TCVN 5603:2023 - (CXC 1-1969, REV.5-2020))		
		Sử dụng dấu chứng nhận này theo tỷ lệ tương ứng rộng/dài = 2/6 trên chứng chỉ GMP Chi tiết theo F01-02-03E
This logo is used with the width/length ratio of 2/6 on GMP certificates. Detail follow as F01-02-03E		
Dấu chứng nhận FAMI-QS/ FAMI-QS Certification mark		
 Và dấu JAS-ANZ khi được công nhận		Sử dụng dấu chứng nhận này theo tỷ lệ tương ứng rộng/dài = 2/6 trên chứng chỉ FAMI-QS Chi tiết theo F01-02-03H
This logo is used with the width/length ratio of 2/6 on FAMI-QS certificates. Detail follow as F01-02-03H		
12.2 Trong trường hợp VICB được công nhận bởi tổ chức công nhận, khách hàng được VICB chứng nhận có quyền sử dụng logo của VICB kèm theo logo của tổ chức công nhận cho VICB. Các logo công nhận sẽ được VICB công bố sau khi được công nhận. 12.3 Khách hàng được chứng nhận được sử dụng logo trên để tuyên truyền, quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên các tài liệu giới thiệu, tài liệu giao dịch thương mại của Khách hàng. Khách hàng chỉ được sử dụng logo của VICB đối với phạm vi (địa điểm, lĩnh vực) đã được chứng nhận; Không được sử dụng dấu hiệu chứng nhận của VICB trên các sản phẩm hoặc bao bì, nhãn mác sản phẩm (đối với dấu chứng nhận HTQL); không được sử dụng dấu chứng nhận trong báo cáo thử nghiệm, báo cáo giám định, hiệu chuẩn. Việc sử dụng này phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và yêu cầu của ISO/IEC 17021, ISO/IEC 17030 và FAMI-QS: Rules for Certification Bodies Ver 8/Rev 3. Với chứng nhận FAMI-QS cần tuân thủ thêm các nội dung: + Khách hàng phải tuân thủ quy định sử dụng dấu chứng nhận FAMI-QS (xem trên trang web của FAMI-QS). Dấu chứng nhận FAMI-QS không được sử dụng trên các phương tiện vận chuyển. + Lưu ý: Sử dụng hoặc hiển thị dấu chứng nhận FAMI-QS không phải là bằng chứng cho thấy khách hàng được chứng nhận. Hiệu lực chứng nhận		
12.2. In case that VICB is accredited by an Accreditation Body, certified customers has right to use logo of VICB along with logo of the Accreditation Body. Accreditation logos will be published by VICB after being accredited. 12.3. Certified customers are allowed to use the above logo for propaganda and advertising in the mass media and on customer's introductory documents and commercial transaction documents. Customers are only allowed to use VICB's logo for the certified scope (location, field); Not to use VICB's certification mark on products or product packaging or labels (for the management system certification mark); The certification mark must not be used in the test report, inspection report, or calibration report. This use must be in accordance with applicable law and the requirements of ISO/IEC 17021, ISO/IEC 17030 and FAMI-QS: Rules for Certification Bodies Ver 8/Rev 3. With FAMI-QS certification, it is necessary to comply with the following contents: + Customers must comply with the regulations on using the FAMI-QS certification mark (see on the FAMI-QS website). The FAMI-QS certification mark cannot be used on transport vehicles. + Note: Using or displaying the FAMI-QS certification mark is not proof that the customer is certified. Validity of the certificate can only be		

được xác nhận tại website (ghi trên chứng chỉ).	confirmed at the website (indicated on the certificate).
13. Bồi thường trách nhiệm và khiếu nại 13.1 Nếu trong quá trình đánh giá chứng nhận, khách hàng được chứng nhận đưa ra bằng chứng về việc VICB gây ra thiệt hại cho khách hàng và đề nghị bồi thường, VICB sẽ xem xét bồi thường cho thiệt hại đó, giá trị bồi thường sẽ được VICB thỏa thuận chi tiết với khách hàng. Trong trường hợp hai bên không thỏa thuận được với nhau về giá trị bồi thường thì đưa ra trọng tài kinh tế giải quyết. 13.2 : Khách hàng có thể khiếu nại các hoạt động liên quan đến quá trình đánh giá, chứng nhận của VICB. VICB sẽ xem xét, giải quyết khiếu nại của Khách hàng. Nếu khách hàng không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của VICB thì khách hàng có quyền gửi khiếu nại đến tổ chức công nhận cho VinaCert và yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật. 13.3 Không bên nào phải chịu trách nhiệm bồi hoàn cho nhau nếu có những yếu tố khách quan xảy ra nằm ngoài tầm kiểm soát của hai bên nhưng phải thông báo cho nhau về các sự kiện này bằng fax, hay thư tín trong vòng 5 ngày kể từ ngày diễn ra.	13. Compensation and complaints 13.1 If during the time of initial audit, the applicant provides evidence that VICB causes damage to the customer and make a request for compensation, VICB will consider compensation for such damages and makes agreement with the customer on the compensation. In case that both parties fail to reach an agreement on the compensation value, it is required to give to economic arbitration to address for resolution. 13.2 Customers can make an appeal regarding the activities relating to the audit process of VICB. VICB will consider and resolve the appeal of the customer. If the customer does not agree to decision on the appeal resolution of VICB, the customer is entitled to Accreditation Organisation of VICB and request for resolution as regulated by the laws. 13.3 Neither party shall be responsible for making compensation in case that there are objective factors arising out of control of both parties but shall notify each other of these events by fax or mail within 5 days since the date of occurrence.
14. Các khoản chi phí 14.1. Các khoản chi phí cho hoạt động đánh giá, chứng nhận HTQL được nêu trong Hợp đồng. Khách hàng không phải trả bất kì khoản chi phí nào khác cho VICB trừ chi phí cho đánh giá bổ sung được quy định tại điểm 13.2 mục này. 14.2. Khi cần phải thẩm tra hành động khắc phục của khách hàng tại điểm được đánh giá, các chi phí đi lại, lưu trú cho chuyên gia đánh giá của VICB do khách hàng chi trả. 14.3 Khi đánh giá đột xuất, mở rộng, thu hẹp phạm vi chứng nhận, các chi phí phát sinh sẽ do khách hàng chi trả. 14.4 VICB phát hành hóa đơn tài chính cho toàn bộ chi phí đánh giá, chứng nhận của VICB. Nếu khách hàng không thanh toán trong khoảng thời gian thỏa thuận, Khách hàng phải chịu lãi suất theo nội dung nêu tại hợp đồng ký kết. 14.5 VICB ra quyết định đình chỉ chứng nhận đối với Khách hàng không thanh toán chi phí đánh giá, chứng nhận theo thỏa thuận hợp đồng. Việc khôi phục chứng nhận sẽ được thực hiện sau khi Khách hàng thanh toán chi phí đánh giá chứng nhận.	14. Fees 14.1 The fees for management system audit and certification activities are specified in the contract. Customers do not pay any other fees for VICB except the cost for addition assessment specified in Section 13.2 of this document; 14.2 When onsite verification of corrective actions of customers is required, the customers shall pay all costs incurred for VICB. 14.3 When conducting unannounced audits, audits for expansion/reduction of certification scope, the customer shall pay all cost arisen. 14.4 VICB issues invoice for full cost of audit of VICB. If the customer does not pay within the agreed period, customers must bear interest according to the content stated in the signed contract. 14.5 VICB will decide certification suspension for clients who do not pay for certification cost according to the contract agreement. The recovery of certification will be made after clients pay certification assessment costs for VICB.

15. Hồ sơ/Records :

TT	Hồ sơ	Mã số	Nơi lưu	Thời gian lưu
1.	Quyết định cấp chứng chỉ HTQL	F01-02-01A	P.CN-LIMS	6 năm
2.	Quyết định đình chỉ hiệu lực chứng chỉ HTQL	F01-02-01B	P.CN-LIMS	6 năm
3.	Quyết định hủy bỏ hiệu lực chứng chỉ HTQL	F01-02-01C	P.CN-LIMS	6 năm
4.	Chứng chỉ HTQL ISO 9001	F01-02-02A	P.CN-LIMS	6 năm
5.	Chứng chỉ HTQL ISO 22000	F01-02-02B	P.CN-LIMS	6 năm
6.	Chứng chỉ HTQL FSSC 22000	F01-02-02C	P.CN-LIMS	6 năm
7.	Chứng chỉ HACCP/TCVN 5603	F01-02-02D	P.CN-LIMS	6 năm
8.	Chứng chỉ GMP/TCVN 5603	F01-02-02E	P.CN-LIMS	6 năm
9.	Chứng chỉ HTQL ISO 14001	F01-02-02F	P.CN-LIMS	6 năm
10.	Chứng chỉ HTQL ISO 45001	F01-02-02G	P.CN-LIMS	6 năm
11.	Chứng chỉ FAMI-QS	F01-02-02H	P.CN-LIMS	6 năm
12.	Thông báo sử dụng dấu chứng nhận ISO 9001	F01-02-03A	P.CN-LIMS	6 năm
13.	Thông báo sử dụng dấu chứng nhận ISO 22000	F01-02-03B	P.CN-LIMS	6 năm
14.	Thông báo sử dụng dấu chứng nhận FSSC 22000	F01-02-03C	P.CN-LIMS	6 năm
15.	Thông báo sử dụng dấu chứng nhận HACCP/TCVN 5603	F01-02-03D	P.CN-LIMS	6 năm
16.	Thông báo sử dụng dấu chứng nhận GMP/TCVN 5603	F01-02-03E	P.CN-LIMS	6 năm
17.	Thông báo sử dụng dấu chứng nhận ISO 14001	F01-02-03F	P.CN-LIMS	6 năm
18.	Thông báo sử dụng dấu chứng nhận ISO 45001	F01-02-03G	P.CN-LIMS	6 năm
19.	Thông báo sử dụng dấu chứng nhận FAMI-QS	F01-02-03H	P.CN-LIMS	6 năm

---HẾT/ END---